

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ II – TIN HỌC 11

Bài 16-Công việc quản trị cơ sở dữ liệu

Câu 1. Theo quy định về ngành nghề, người thực thi hoạt động quản trị CSDL được gọi là ... mà trong thực tế thường được gọi đơn giản là người quản trị CSDL. Hãy điền cụm từ còn thiếu vào dấu ba chấm.

- A. nhà quản trị CSDL
- B. nhân viên quản trị CSDL
- C. người quản trị CSDL
- D. khách hàng quản trị CSDL

Câu 2. Trong ba nhóm đối tượng những người làm phần mềm, sử dụng phần mềm quản lý và quản trị CSDL, ai là người chịu trách nhiệm chính với công việc sau đây: Cập nhật dữ liệu, thiết kế dữ liệu, sao lưu dữ liệu?

- A. Nhóm người làm phần mềm.
- B. Nhóm người sử dụng phần mềm.
- C. Nhóm người quản trị CSDL.
- D. Không ai chịu trách nhiệm cả.

Câu 3. Nhà quản trị CSDL có bao nhiêu nhiệm vụ chính?

- C. 2
- B. 3
- A. 4
- D. 5

Câu 4. Chọn đáp án sai. Nhà quản trị CSDL cần có phẩm chất cần thiết nào sau đây?

- A. Tính cẩn thận, tỉ mỉ.
- B. Tính cầu thả.
- C. Tính kiên trì.
- D. Tính thần ham học.

Câu 5. Ở bậc đại học, các chuyên ngành có liên quan nhiều đến nghề quản trị CSDL là:

- A. Các hệ thống thông tin và Công nghệ phần cứng.
- B. Các hệ thống tin học và Công nghệ phần mềm.
- C. Các hệ thống thông tin và Công nghệ phần mềm.
- D. Các hệ thống tin học và Công nghệ phần cứng.

Câu 6. Nhà quản trị CSDL có những nhiệm vụ chính nào sau đây?

A. Cài đặt và cập nhật các hệ QTCSDL; Tạo lập và điều chỉnh CSDL; Đảm bảo tài nguyên cho các hoạt động CSDL; Đảm bảo an toàn thông tin.

B. Cài đặt và cập nhật các hệ QTCSDL; Tạo lập và điều chỉnh CSDL; Đảm bảo tài sản cho các hoạt động CSDL; Đảm bảo an toàn, bảo mật.

C. Cài đặt và cập nhật các hệ QTCSDL; Tạo lập và bổ sung CSDL; Đảm bảo tài nguyên cho các hoạt động CSDL; Đảm bảo an toàn, bảo mật.

D. Cài đặt và cập nhật các hệ QTCSDL; Tạo lập và điều chỉnh CSDL; Đảm bảo tài nguyên cho các hoạt động CSDL; Đảm bảo an toàn, bảo mật.

Câu 7. Nhà quản trị CSDL cần có kiến thức cơ bản về CSDL, biết thiết kế CSDL và sử dụng thành thạo

- A. máy tính.
- B. hệ QTCSDL.
- C. phần mềm.
- D. CSDL.

Câu 8. Nhu cầu tuyển dụng nhà quản trị CSDL sẽ tăng nhanh cùng với quá trình

- A. chuyển đổi số.
- B. tin học hoá.
- C. công nghiệp hoá.
- D. hiện đại hoá.

Câu 9. Nhà quản trị CSDL phải thường xuyên tạo các bản sao lưu dữ liệu dự phòng để khi gặp sự cố có thể khôi phục dữ liệu, nhất là các sự cố liên quan đến

- A. phần mềm.
- B. phần cứng.
- C. CSDL.
- D. hệ QT CSDL.

Câu 10. Việc cài đặt hệ QTCSDL bao giờ cũng được thực hiện trên một hệ điều hành cụ thể, có liên quan đến mạng máy tính nên có hiểu biết tốt về hệ điều hành và ... là một điểm cộng cho nhà quản trị CSDL. Hãy điền cụm từ còn thiếu vào dấu ba chấm.

- A. máy tính
- B. CSDL
- C. mạng máy tính
- D. phần mềm ứng dụng

Bài 17-Quản trị cơ sở dữ liệu trên máy tính

Câu 1. Chọn đáp án sai. Việc ứng dụng CSDL trong quản lí đem lại nhiều lợi ích to lớn như:

- A. Tiện lợi.
- B. Kịp thời.
- C. Sai sót.
- D. Nhanh chóng.

Câu 2. Trước đây khi chưa có máy tính, việc quản lí dữ liệu thủ công là công việc

- A. rất tiện lợi.
- B. rất vất vả.
- C. rất nhanh chóng.
- D. rất kịp thời.

Câu 3. Hệ QTCSDL nào sau đây là sản phẩm mã nguồn mở miễn phí?

- A. ORACLE.
- B. SQL Server.
- C. DB2.
- D. MySQL.

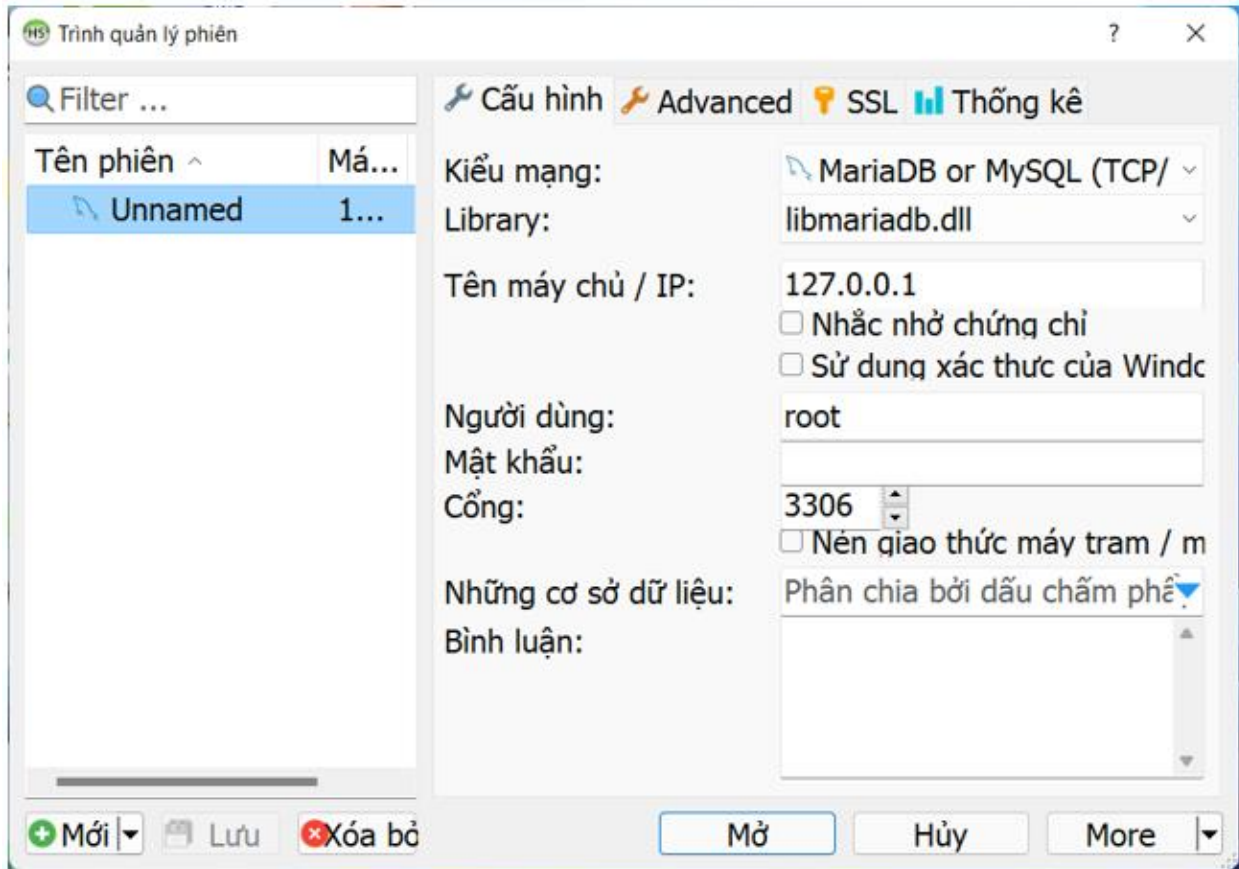
Câu 4. Để tải về một trong các bản MySQL, ta truy cập vào địa chỉ nào sau đây?

- A. <https://dev.mysql.com/download/mysql/>
- B. <https://dev.mysqlserver.com/downloads/mysql/>
- C. <https://dev.mysql.com/downloads/mysql/>
- D. <https://dev.mysql.com/donloads/mysql/>

Câu 5. Để tải về một trong hai bản của HeidiSQL, ta truy cập vào địa chỉ nào sau đây?

- A. <https://www.heidisql.com/download.php>
- B. <https://www.heidisql.com/downloads.php>
- C. <https://www.haidisql.com/download.php>
- D. <https://www.hiedisql.com/download.php>

Câu 6. Khi nháy đúp chuột vào biểu tượng phần mềm HeidiSQL, một cửa sổ như bên dưới xuất hiện. Để vào cửa sổ làm việc của HeidiSQL, cần thực hiện các công việc nào sau đây?



- A. Nhập Người dùng và Mật khẩu sau đó nháy vào nút Mới.
- B. Không cần nhập Người dùng và Mật khẩu, chỉ cần nháy vào nút Mở.

C. Nhập Người dùng và Mật khẩu sau đó nháy vào nút Mở.

D. Không cần nhập Người dùng và Mật khẩu, chỉ cần nháy vào nút Mới.

Câu 7. MySQL và HeidiSQL là các phần mềm

- A. mã nguồn đóng
- B. thương mại
- C. tự do
- D. mã nguồn mở

Câu 8. Khi giao diện làm việc của HeidiSQL dùng ngôn ngữ tiếng anh, nếu muốn thay đổi giao diện của HeidiSQL bằng ngôn ngữ tiếng việt. Các thao tác nào sau đây là đúng?

- A. Chọn Tools/Preferences/Data editor/thay đổi trong Application language
- B. Chọn Tools/Preferences/General/thay đổi trong Application language
- C. Chọn Edit/Preferences/General/thay đổi trong Application language

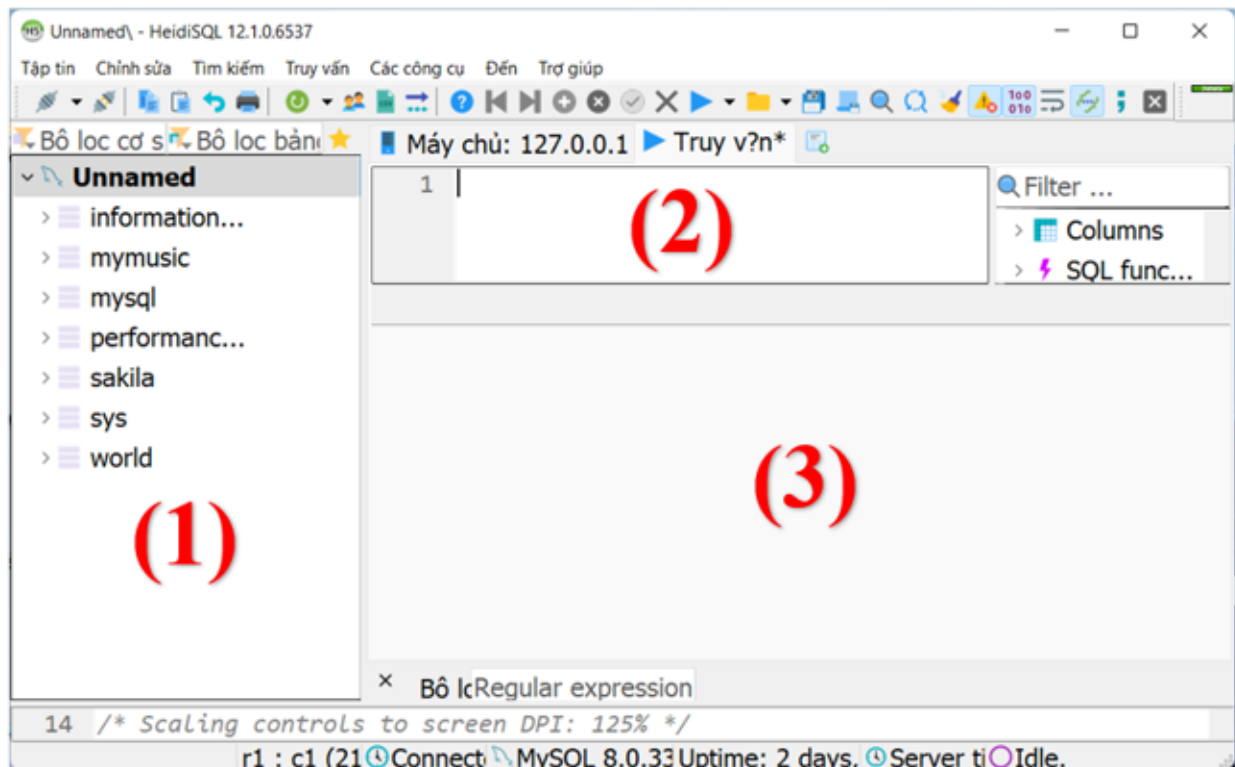
D. Chọn Go to/Preferences/General/thay đổi trong Application language

Câu 9. Cần gõ câu truy vấn nào trong cửa sổ lệnh của MySQL để đọc được toàn bộ thông tin

bảng nhacsi trong CSDL mymusic?

- A.
SELECT*
FROM nhacsi;
- B.
FROM*
SELECT nhacsi;
- C.
SELECT*
WHERE nhacsi;
- D.
FROM*
WHERE nhacsi;

Câu 10. Hình bên dưới là cửa sổ làm việc của HeidiSQL. Hãy cho biết chức năng của các vùng (1), (2), (3)?



- A. Vùng (1) là vùng danh sách các CSDL đã có, vùng (2) là vùng làm việc chính, vùng (3) là vùng gõ câu truy vấn.
- B. Vùng (1) là vùng danh sách các CSDL đã có, vùng (2) là vùng gõ câu truy vấn, vùng (3) là vùng làm việc chính.
- C. Vùng (1) là vùng gõ câu truy vấn, vùng (2) là vùng danh sách các CSDL đã có, vùng (3) là vùng làm việc chính.

D. Vùng (1) là vùng làm việc chính, vùng (2) là vùng gõ câu truy vấn, vùng (3) là vùng danh sách các CSDL đã có.a

Bài 18-Thực hành xác định cấu trúc bảng và các trường khóa

Câu 1. Xem hình bên dưới và cho biết nhạc sĩ Hoàng Việt sáng tác những bản nhạc nào?

STT	Tên bản nhạc	Tên nhạc sĩ	Tên ca sĩ
1	Du kích sông Thao	Đỗ Nhuận	Doãn Tần
2	Trường ca Sông Lô	Văn Cao	Lê Dung
3	Tình ca	Hoàng Việt	Trần Khánh
4	Xa khơi	Nguyễn Tài Tuệ	Tân Nhân
5	Việt Nam quê hương tôi	Đỗ Nhuận	Quốc Hương
6	Tiến về Hà Nội	Văn Cao	Doãn Tần
7	Nhạc rừng	Hoàng Việt	Quốc Hương
8	Tiếng hát giữa rừng Pắc Bó	Nguyễn Tài Tuệ	Lê Dung
9	Trường ca Sông Lô	Văn Cao	Trần Khánh
10	Tiến về Hà Nội	Văn Cao	Quốc Hương

- A. Nhạc sĩ Hoàng Việt sáng tác các bản nhạc: Tình Ca và Tiến về Hà Nội.
- B. Nhạc sĩ Hoàng Việt sáng tác các bản nhạc: Nhạc rừng và Xa khơi.
- C. Nhạc sĩ Hoàng Việt sáng tác các bản nhạc: Tình Ca và Nhạc rừng.
- D. Nhạc sĩ Hoàng Việt sáng tác các bản nhạc: Du kích sông Lô và Việt Nam quê hương tôi.

Câu 2. Bảng banthuanam có thể được viết ngắn gọn như sau:

banthuanam(idBanthuanam, tenBannhac, tenNhacsi, tenCasi)

Hãy cho biết trong bảng banthuanam trường nào được chọn làm khoá chính, vì sao?

- A. Trường tenBannhac được chọn làm khoá chính, vì trường tenBannhac xác định duy nhất một bản nhạc.
- B. Trường tenNhacsi được chọn làm khoá chính, vì trường tenNhacsi xác định duy nhất một nhạc sĩ.
- C. Trường tenCasi được chọn làm khoá chính, vì trường tenCasi xác định duy nhất một ca sĩ.
- D. Trường idBanthuanam được chọn làm khoá chính, vì trường idBanthuanam xác định duy nhất một bản thu âm.

Câu 3. Chọn câu trả lời đúng nhất. Tại sao phải tổ chức lại bảng dữ liệu gồm nhiều bảng thay vì ít bảng hơn?

- A. Để ngắn gọn và dễ hiểu.
- B. Để nhìn đẹp mắt hơn.
- C. Để khắc phục tình trạng dữ liệu bị trùng lặp.
- D. Để dễ nhập dữ liệu hơn.

Câu 4. Bảng banthuanam và bảng casi được viết ngắn gọn như bên dưới:

banthuum(idBanthuum, tenBannhac, tenNhacsi, idCasi)
casi(idCasi, tenCasi)

Hãy chỉ ra trường khoá chính và trường khoá ngoài cho các bảng?

A. idCasi trong bảng casi là trường khoá chính của bảng casi, idBanthuum là trường khoá ngoài của bảng banthuum, idCasi trong bảng banthuum là trường khoá chính của bảng banthuum.

B. idCasi trong bảng casi là trường khoá chính của bảng casi, idBathuum là trường khoá chính của bảng banthuum, idCasi trong bảng banthuum là trường khoá ngoài của bảng banthuum.

C. idCasi trong bảng casi là trường khoá ngoài của bảng casi, idBathuum là trường khoá chính của bảng banthuum, idCasi trong bảng banthuum là trường khoá ngoài của bảng banthuum.

D. idCasi trong bảng casi là trường khoá chính của bảng banthuum, idBathuum là trường khoá chính của bảng banthuum, idCasi trong bảng banthuum là trường khoá ngoài của bảng banthuum.

Câu 5. Bảng banthuum, bảng casi và bảng bannhac được viết ngắn gọn như bên dưới:

banthuum(idBanthuum, idBannhac, idCasi)
casi(idCasi, tenCasi)
bannhac(idBannhac, tenBannhac, tenNhacsi)

Hãy cho biết các bảng trên quan hệ với nhau thông qua các trường nào?

A. Bảng banthuum quan hệ với bảng casi thông qua trường idCasi, bảng banthuum quan hệ với bảng bannhac thông qua trường tenBannhac.

B. Bảng banthuum quan hệ với bảng casi thông qua trường tenCasi, bảng banthuum quan hệ với bảng bannhac thông qua trường idBannhac.

C. Bảng banthuum quan hệ với bảng casi thông qua trường idCasi, bảng banthuum quan hệ với bảng bannhac thông qua trường idBannhac.

D. Bảng banthuum quan hệ với bảng casi thông qua trường tenCasi, bảng banthuum quan hệ với bảng bannhac thông qua trường tenBannhac.

Câu 6. Hãy kể tên các loại khoá?

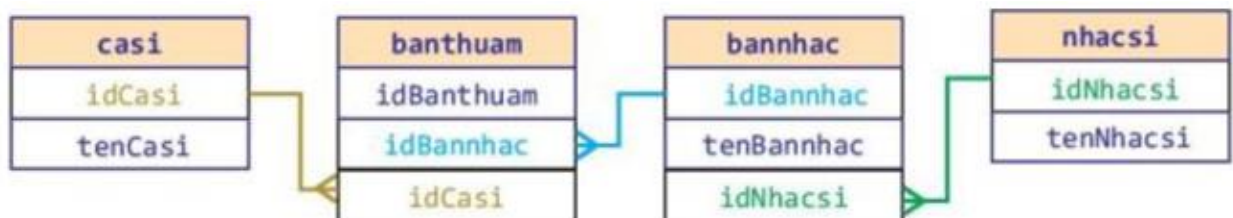
A. Khoá chính, khoá phụ, khoá cấm trùng lặp giá trị.

B. Khoá chính, khoá ngoài, khoá trùng lặp giá trị.

C. Khoá trong, khoá ngoài, khoá cấm trùng lặp giá trị.

D. Khoá chính, khoá ngoài, khoá cấm trùng lặp giá trị.

Câu 7. Quan sát hình bên dưới và chỉ ra các khoá chính của các bảng?



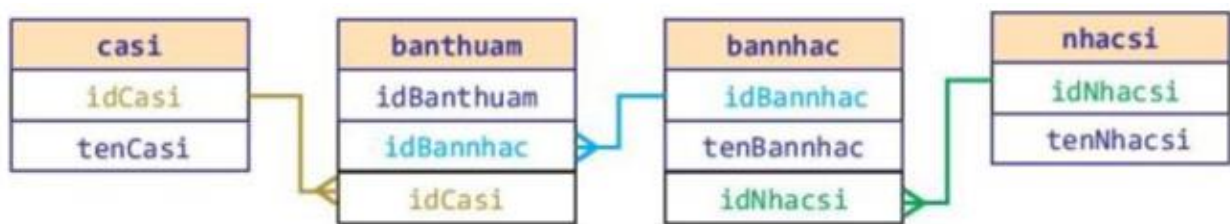
A. Bảng casi có khoá chính là idCasi, bảng banthuum có khoá chính là idBanthuum, bảng bannhac có khoá chính là idBannhac, bảng nhacsi có khoá chính là idNhacsi.

B. Bảng casi có khoá chính là idCasi, bảng banthuum có khoá chính là idBanthuum, bảng bannhac có khoá chính là idBannhac, bảng nhacsi có khoá chính là tenNhacsi.

C. Bảng casi có khoá chính là idCasi, bảng banthuum có khoá chính là idBanthuum, bảng bannhac có khoá chính là idNhacsi, bảng nhacsi có khoá chính là idNhacsi.

D. Bảng casi có khoá chính là idCasi, bảng banthuum có khoá chính là idBanthuum, bảng bannhac có khoá chính là idBannhac, bảng nhacsi có khoá chính là idNCasi.

Câu 8. Quan sát hình bên dưới và chỉ ra các khoá ngoài của các bảng tham chiếu đến các khoá chính của các bảng khác.



A. Bảng banthuum có 2 khoá ngoài là idCasi tham chiếu đến khoá chính idCasi của bảng casi và khoá ngoài idBannhac tham chiếu đến khoá chính idBannhac của bảng bannhac; Bảng bannhac có khoá ngoài là tenBannhac tham chiếu đến khoá chính idNhacsi của bảng nhacsi.

B. Bảng banthuum có 2 khoá ngoài là idCasi tham chiếu đến khoá chính idCasi của bảng casi và khoá ngoài idBannhac tham chiếu đến khoá chính idBannhac của bảng bannhac; Bảng bannhac có khoá ngoài là idNhacsi tham chiếu đến khoá chính idNhacsi của bảng nhacsi.

C. Bảng banthuum có 2 khoá ngoài là idBanthuum tham chiếu đến khoá chính idCasi của bảng casi và khoá ngoài idBannhac tham chiếu đến khoá chính idBannhac của bảng bannhac; Bảng bannhac có khoá ngoài là idNhacsi tham chiếu đến khoá chính idNhacsi của bảng nhacsi.

D. Bảng banthuum có 2 khoá ngoài là idCasi tham chiếu đến khoá chính idCasi của bảng casi và khoá ngoài idBanthuum tham chiếu đến khoá chính idBannhac của bảng bannhac; Bảng bannhac có khoá ngoài là idNhacsi tham chiếu đến khoá chính idNhacsi của bảng nhacsi.

Câu 9. Về các kiểu dữ liệu của các trường. Để đơn giản, các trường khoá chính thường có kiểu ... và tự động tăng giá trị (AUTO_INCREMENT). Hãy điền từ còn thiếu và dấu ba chấm.

A. FLOAT

B. CHAR

C. INT

D. VARCHAR

Câu 10. Về các kiểu dữ liệu của các trường. Các trường tenNhacsi, tenCasi, tenBannhac có thể chọn là ... có độ dài tối đa 255 ký tự (VARCHAR(255)). Hãy điền từ còn thiếu và dấu ba chấm.

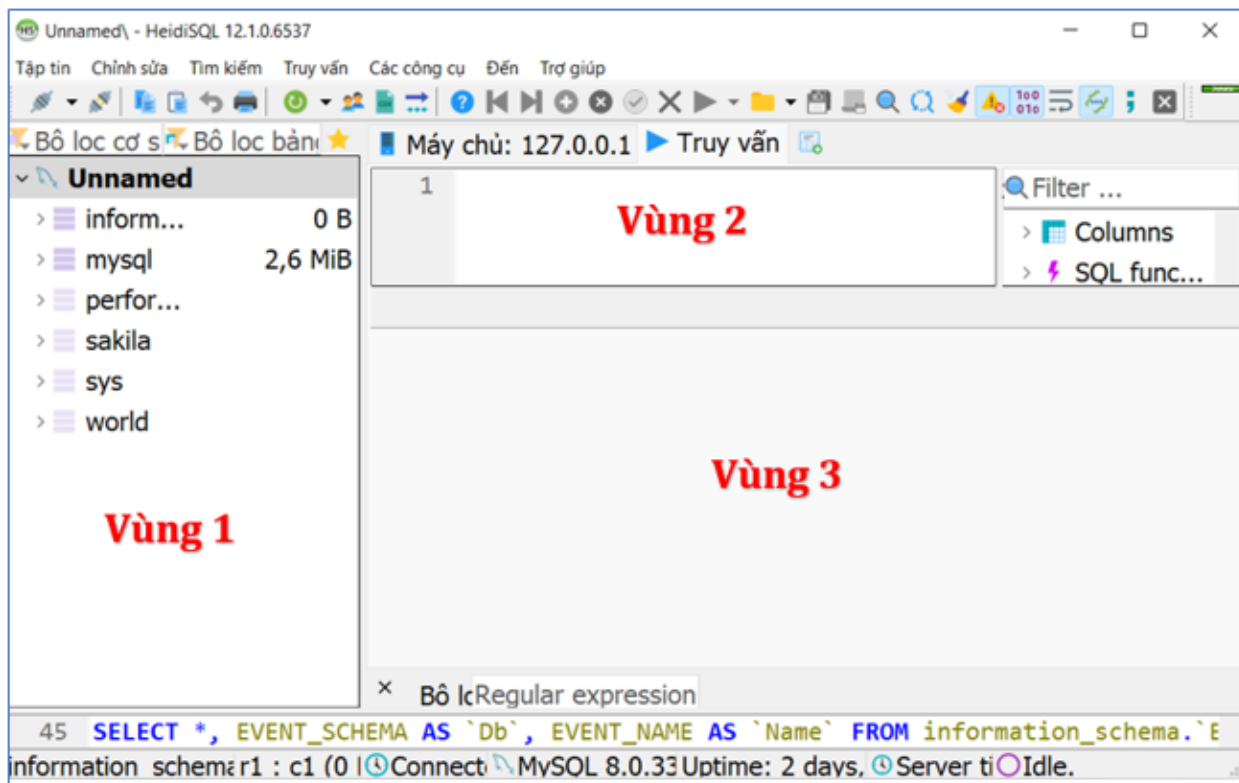
A. kiểu số nguyên

B. trường khoá chính

- C. trường khoá ngoài
- D. xâu kí tự

Bài 19-Thực hành tạo lập cơ sở dữ liệu và các bảng

Câu 1. Để tạo mới một cơ sở dữ liệu, nháy chuột phải vào vùng nào trong hình dưới đây?



- A. Vùng 1.
- B. Vùng 2.
- C. Vùng 3.
- D. Không có trong vùng nào cả.

Câu 2. Để tạo bảng, cách thực hiện nào sau đây là đúng?

A. Nháy chuột phải vào vùng danh sách các CSDL đã có; Chọn Tạo mới; Chọn Cơ sở dữ liệu; Nhập tên bảng.

B. Nháy chuột phải vào vùng danh sách các CSDL đã có; Chọn Tạo mới; Chọn Bảng; Nhập tên bảng.

C. Nháy chuột phải vào vùng danh sách các CSDL đã có; Chọn Bảng; Chọn Tạo mới; Nhập tên bảng.

D. Nháy chuột phải vào vùng danh sách các CSDL đã có; Chọn Tạo mới; Chọn Cơ sở dữ liệu; Nhập tên cơ sở dữ liệu.

Câu 3. Để thêm trường vào bảng, các cách làm nào sau đây là đúng?

A. Nháy vào Thêm mới hoặc bấm phím Ctrl+Insert hoặc nháy chuột phải chọn New column.

B. Nháy vào Thêm mới hoặc bấm phím Shift+Insert hoặc nháy chuột phải chọn Add column.

- C. Nháy vào Thêm mới hoặc bấm phím Ctrl+Insert hoặc nháy chuột phải chọn Add column.
- D. Nháy vào Thêm trường hoặc bấm phím Ctrl+Insert hoặc nháy chuột phải chọn Add column.

Câu 4. Để tạo lập CSDL mymusic, có các bước thực hiện sau:

1. Nháy chuột phải ở vùng danh sách các CSDL đã có;
2. Chọn Cơ sở dữ liệu;
3. Chọn Tạo mới;
4. Nhập mymusic;
5. Chọn OK.

Sắp xếp lại các bước để được cách làm đúng.

- A. 1, 2, 3, 4, 5
- B. 1, 4, 3, 2, 5
- C. 3, 2, 1, 4, 5
- D. 1, 3, 2, 4, 5

Câu 5. Để khai báo khoá chính cho trường, ta thực hiện:

A. Nháy chuột phải vào tên trường muốn khai báo khoá chính, chọn Create new index, chọn PRIMARY.

B. Nháy chuột phải vào tên trường muốn khai báo khoá chính, chọn Create new index, chọn KEY.

C. Nháy chuột phải vào tên trường muốn khai báo khoá chính, chọn Add column, chọn PRIMARY.

D. Nháy chuột phải vào tên trường muốn khai báo khoá chính, chọn Add column, chọn KEY.

Câu 6. Để chọn AUTO_INCREMENT cho trường khoá chính, ta chọn ở vị trí nào sau đây?

- A. Phía dưới nhãn Length/Set.
- B. Phía dưới nhãn Allow NULL.
- C. Phía dưới nhãn Mặc định.
- D. Phía dưới nhãn Kiểu dữ liệu.

Câu 7. Tạo lập bảng nhacsi(idNhacsi, tenNhacsi), idNhacsi kiểu INT, tenNhacsi kiểu VARCHAR (255). Vậy INT, VARCHAR và 255 được khai báo ở các nhãn nào?

A. INT và VARCHAR được khai báo ở nhãn Kiểu dữ liệu, 255 được khai báo ở nhãn Allow NULL.

B. INT và VARCHAR được khai báo ở nhãn Kiểu dữ liệu, 255 được khai báo ở nhãn Length/Set.

C. INT được khai báo ở nhãn Kiểu dữ liệu, VARCHAR được khai báo ở nhãn Length/Set, 255 được khai báo ở nhãn Allow NULL.

D. INT và VARCHAR được khai báo ở nhãn Length/Set, 255 được khai báo ở nhãn Kiểu dữ liệu.

Câu 8. Để xoá trường, cách thực hiện nào sau đây là đúng?

- A. Nháy chuột phải vào tên trường muốn xoá, chọn Remove column.
- B. Nháy chuột phải vào tên trường muốn xoá, chọn Add column.

- C. Nháy chuột phải vào tên trường muốn xoá, chọn Delete column.
- D. Nháy chuột trái vào tên trường muốn xoá, chọn Remove column.

Câu 9. Để di chuyển một trường lên phía trên, cách thực hiện nào sau đây là đúng?

- A. Nháy chuột phải vào tên trường muốn di chuyển lên phía trên, chọn Move down.
- B. Nháy chuột phải vào tên trường muốn di chuyển lên phía trên, chọn Remove column.
- C. Nháy chuột phải vào tên trường muốn di chuyển lên phía trên, chọn Add column.
- D. Nháy chuột phải vào tên trường muốn di chuyển lên phía trên, chọn Move up.

Câu 10. Hãy cho biết Cơ sở dữ liệu và Bảng có liên quan gì với nhau?

- A. Cơ sở dữ liệu chứa Bảng.
- B. Bảng chứa Cơ sở dữ liệu.
- C. Cơ sở dữ liệu và Bảng cùng cấp.
- D. Cơ sở dữ liệu và Bảng không tồn tại đồng thời.

Bài 20-Thực hành tạo lập các bảng có khoá ngoài

Câu 1. Các trường là khoá ngoài của bảng là các trường tham chiếu đến một trường ... của một bảng khác. Hãy điền cụm từ còn thiếu vào dấu ba chấm.

- A. khoá chính
- B. khoá ngoài
- C. khoá chống trùng lặp
- D. dữ liệu

Câu 2. Để khai báo khoá chống trùng lặp, cách thực hiện nào sau đây là đúng?

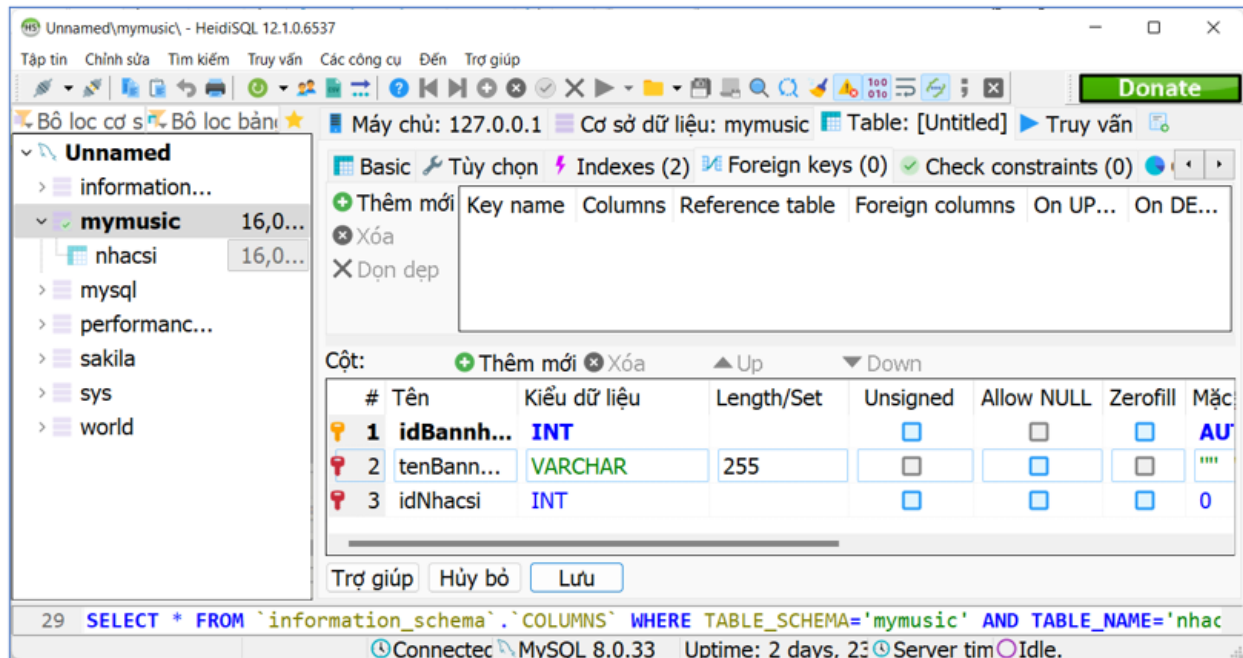
A. Đánh dấu các trường muốn khai báo làm khoá chống trùng lặp, nháy chuột phải vào vùng đã đánh dấu, chọn Create new index, chọn PRIMARY.

B. Đánh dấu các trường muốn khai báo làm khoá chống trùng lặp, nháy chuột phải vào vùng đã đánh dấu, chọn Create new index, chọn KEY.

C. Đánh dấu các trường muốn khai báo làm khoá chống trùng lặp, nháy chuột phải vào vùng đã đánh dấu, chọn Create new index, chọn UNIQUE.

D. Đánh dấu các trường muốn khai báo làm khoá chống trùng lặp, nháy chuột phải vào vùng đã đánh dấu, chọn Add to index, chọn PRIMARY.

Câu 3. Để khai báo khoá ngoài, nháy vào thẻ nào trong hình bên dưới?



- A. Nháy vào thẻ Indexes.
- B. Nháy vào thẻ Foreign keys.
- C. Nháy vào thẻ Basic.
- D. Nháy vào thẻ Check constraints.

Câu 4. Quan sát hình bên dưới và cho biết trường nào là khoá chính, trường nào là khoá ngoài?

#	Tên	Kiểu dữ liệu	Length/Set	Unsigned	Allow NULL	Zerofill	Mặc định
1	idBannhac	INT		☐	☐	☐	AUTO_INCREMENT
2	tenBannhac	VARCHAR	255	☐	☐	☐	''''
3	idNhacsi	INT		☐	☐	☐	0

- A. Trường khoá chính là trường idBannhac, trường khoá ngoài là trường tenBannhac.
 B. Trường khoá chính là trường idNhacsi, trường khoá ngoài là trường idBannhac.

- C. Trường khoá chính là trường idBannhac, trường khoá ngoài là trường idNhacsi.
 D. Trường khoá chính là trường idNhacsi, trường khoá ngoài là trường tenBannhac.

Câu 5. Chọn câu trả lời đúng nhất. Quan sát hình bên dưới và cho biết trường nào là trường khoá chống trùng lặp?

#	Tên	Kiểu dữ liệu	Length/Set	Unsigned	Allow NULL	Zerofill	Mặc định
1	idBannhac	INT		☐	☐	☐	AUTO_INCREMENT
2	tenBannhac	VARCHAR	255	☐	☐	☐	''''
3	idNhacsi	INT		☐	☐	☐	0

- A. Trường khoá chống trùng lặp là trường tenBannhac và trường idNhacsi.
 B. Trường khoá chống trùng lặp là trường idBannhac và trường tenBannhac.

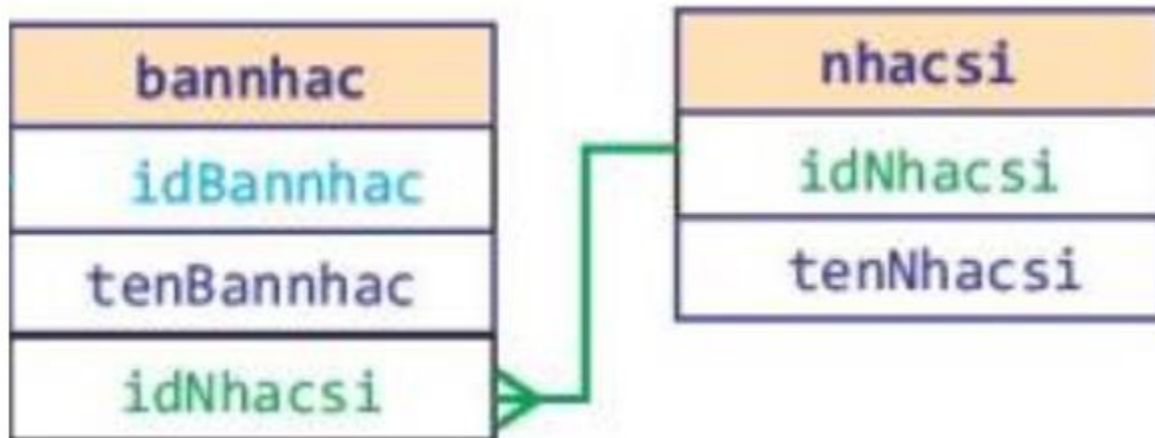
- C. Trường khoá chống trùng lặp là trường idBannhac và trường idNhacsi.
 D. Không có trường nào là trường khoá chống trùng lặp.

Câu 6. Trong màn hình tạo khoá ngoài như bên dưới, sau khi nhấp chuột vào thẻ Foreign keys tiếp theo nhấp chuột vào thẻ nào?

The screenshot shows the HeidiSQL interface with the 'Foreign keys' tab selected. The table structure for 'nhacsi' is displayed, showing columns idBannhac (INT, AUTO_INCREMENT), tenBannhac (VARCHAR, 255), and idNhacsi (INT). The 'Foreign keys' tab is active, showing a table with columns: Key name, Columns, Reference table, Foreign columns, On UP..., and On DE....

- A. Nháy chuột vào thẻ Indexes.
- B. Nháy chuột vào thẻ Tùy chọn.
- C. Nháy chuột vào thẻ Basic.
- D. Nháy chuột vào thẻ Thêm mới.

Câu 7. Để tạo khoá ngoài idNhacsi, có các bước như sau:



1. Chọn Thêm mới;
2. Chọn thẻ Foreign keys;
3. Nháy chuột vào ô phía dưới Columns và chọn trường khoá ngoài là idNhacsi rồi chọn OK;
4. Nháy chuột vào ô phía dưới Reference table và chọn bảng tham chiếu là nhacsi rồi chọn OK;

5. Nháy chuột vào ô phía dưới Foreign columns và chọn trường tham chiếu cho bảng nhacsi là idNhacsi rồi chọn OK;

6. Chọn Lưu.

Sắp xếp lại các bước để có cách thực hiện đúng.

- A. 1, 2, 3, 4, 5, 6
- B. 3, 1, 2, 4, 5, 6
- C. 2, 1, 3, 4, 5, 6
- D. 3, 2, 1, 4, 5, 6

Câu 8. Bảng sau có bao nhiêu trường, gồm những trường nào?

#	Tên	Kiểu dữ liệu	Length/Set	Unsigned	Allow NULL	Zerofill	Mặc định
1	idBannhac	INT		☐	☐	☐	AUTO_INCREMENT
2	tenBannhac	VARCHAR	255	☐	☐	☐	''''
3	idNhacsi	INT		☐	☐	☐	0

- A. Có 3 trường đó là trường 1, trường 2 và trường 3.
- B. Có 3 trường đó là trường idBannhac, trường tenBannhac và trường idNhacsi.
- C. Có 3 trường đó là trường Tên, trường Kiểu dữ liệu, trường Length/Set.
- D. Có 3 trường đó là trường 1, trường idBannhac và trường INT.

Câu 9. Khi nào thì dùng AUTO_INCREMENT?

A. AUTO_INCREMENT thường được dùng cho các trường khoá chính và có kiểu dữ liệu là kiểu FLOAT.

B. AUTO_INCREMENT thường được dùng cho các trường khoá chính và có kiểu dữ liệu là kiểu VARCHAR.

C. AUTO_INCREMENT thường được dùng cho các trường khoá chính và có kiểu dữ liệu là kiểu CHAR.

D. AUTO_INCREMENT thường được dùng cho các trường khoá chính và có kiểu dữ liệu là kiểu INT.

Câu 10. Khi nào thì dùng đến thẻ Foreign keys?

A. Khi các thao tác liên quan đến khoá chính.

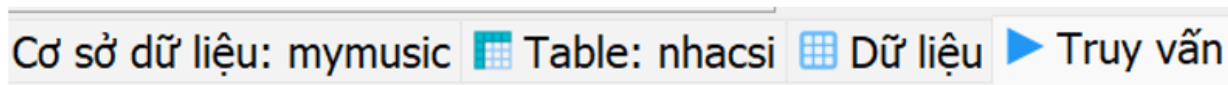
B. Khi các thao tác liên quan đến khoá ngoài.

C. Khi các thao tác liên quan đến khoá không trùng lặp.

D. Khi các thao tác liên quan đến dữ liệu.

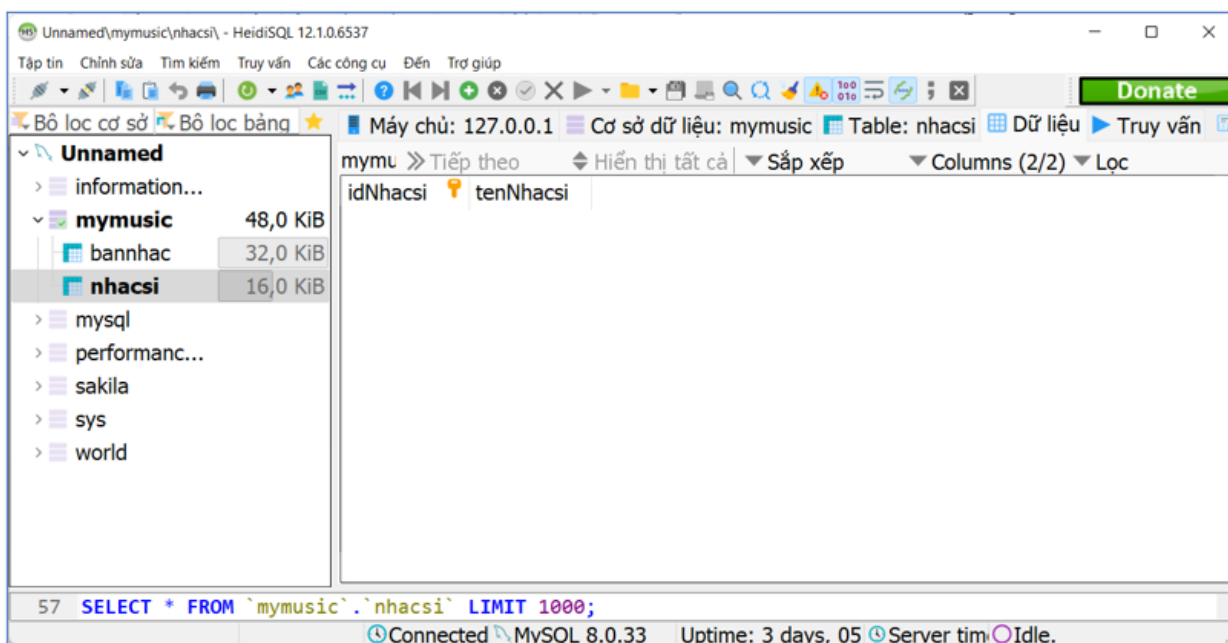
Bài 21-Thực hành cập nhật và truy xuất dữ liệu các bảng

Câu 1. Để thêm mới dữ liệu vào bảng nhacsi, chọn bảng nhacsi rồi nháy vào một trong các thẻ nào trong hình bên dưới?



- A. Nháy vào thẻ Cơ sở dữ liệu: mymusic.
- B. Nháy vào thẻ Table: nhacsi.
- C. Nháy vào thẻ Dữ liệu.
- D. Nháy vào thẻ truy vấn.

Câu 2. Để thêm vào một hàng dữ liệu mới, cách làm nào sau đây là đúng nhất?



A. Bấm phím Insert trên bàn phím hoặc nháy vào biểu tượng dấu cộng (+) hoặc nháy chuột phải lên vùng dữ liệu của bảng và chọn Làm mới.

B. Bấm phím Insert trên bàn phím hoặc nháy vào biểu tượng dấu cộng (+) hoặc nháy chuột phải lên vùng dữ liệu của bảng và chọn Chèn hàng.

C. Bấm phím Insert trên bàn phím hoặc nháy vào biểu tượng dấu nhân (x) hoặc nháy chuột phải lên vùng dữ liệu của bảng và chọn Chèn hàng.

D. Bấm phím Ctrl trên bàn phím hoặc nháy vào biểu tượng dấu cộng (+) hoặc nháy chuột phải lên vùng dữ liệu của bảng và chọn Chèn hàng.

Câu 3. Quan sát hình bên dưới và cho biết vì sao trường idNhacsi xuất hiện chữ (NULL).

Máy chủ: 127.0.0.1	Cơ sở dữ liệu: mymusic	Table: nhacsi	Dữ liệu
mymusic.nhacsi: 0 rows total (approximately)			>> T
idNhacsi	tenNhacsi		
(NULL)	"		

- A. Vì trường idNhacsi là khoá chính nên không cần nhập dữ liệu cho trường này.
- B. Vì trường idNhacsi là khoá ngoài nên không cần nhập dữ liệu cho trường này.
- C. Vì trường idNhacsi là khoá không trùng lặp nên không cần nhập dữ liệu cho trường này.

D. Vì trường idNhacsi có kiểu INT, AUTO_INCREMENT (tự động điền giá trị) nên không cần nhập dữ liệu cho trường này.

Câu 4. Chỉnh sửa dữ liệu trong bảng nhacsi. Giả sử dữ liệu nhập có sai sót, cần sửa lại, chẳng hạn tên nhạc sĩ Đỗ Nhuận không có dấu tiếng việt như hình bên dưới.

idNhacsi	tenNhacsi
1	Đô Nhuận
2	Văn Cao
3	Hoàng Việt
4	Nguyễn Tài Tuệ

Để nhập lại có dấu tiếng việt, cách làm nào sau đây là đúng?

- A. Nháy chuột trái vào ô nhập sai rồi nhập lại cho đúng.
- B. Nháy chuột trái vào ô nhập sai và bấm phím Insert rồi nhập lại cho đúng.

C. Nháy đúp chuột vào ô nhập sai rồi nhập lại cho đúng.

D. Nháy chuột phải vào ô nhập sai và chọn Làm mới rồi nhập lại cho đúng.

Câu 5. Để xoá các dòng dữ liệu trong bảng, các thao tác nào sau đây là đúng?

A. Chọn các dòng dữ liệu muốn xoá, bấm tổ hợp phím Shift + Delete hoặc nháy chuột vào dấu (x) hoặc nháy chuột phải vào các dòng dữ liệu muốn xoá và chọn Xoá hàng (nhiều hàng) đã chọn, nháy OK.

B. Chọn các dòng dữ liệu muốn xoá, bấm tổ hợp phím Ctrl + Delete hoặc nháy chuột vào dấu (x) hoặc nháy chuột phải vào các dòng dữ liệu muốn xoá và chọn Xoá hàng (nhiều hàng) đã

chọn, nhấn OK.

C. Chọn các dòng dữ liệu muốn xóa, bấm tổ hợp phím Ctrl + Delete hoặc nhấn chuột vào dấu (+) hoặc nhấn chuột phải vào các dòng dữ liệu muốn xóa và chọn Xóa hàng (nhiều hàng) đã chọn, nhấn OK.

D. Chọn các dòng dữ liệu muốn xóa, bấm tổ hợp phím Alt + Delete hoặc nhấn chuột vào dấu (x) hoặc nhấn chuột phải vào các dòng dữ liệu muốn xóa và chọn Xóa hàng (nhiều hàng) đã chọn, nhấn OK.

Câu 6. Để xem toàn bộ dữ liệu trong bảng nhacsi, cách thực hiện nào sau đây là đúng?

- A. Chọn bảng nhacsi, nhấn vào thẻ Table: nhacsi.
- B. Chọn bảng nhacsi, nhấn vào thẻ Cơ sở dữ liệu: mymusic.
- C. Chọn bảng nhacsi, nhấn vào thẻ Dữ liệu.
- D. Chọn bảng nhacsi, nhấn vào thẻ Truy vấn.

Câu 7. Để sắp xếp thứ tự của một trường, cách thực hiện nào sau đây là đúng?

A. Nhấn chuột vào tên trường muốn sắp xếp, khi thấy xuất hiện hình tam giác có góc nhọn quay lên là sắp xếp theo thứ tự tăng dần, khi thấy xuất hiện hình vuông là sắp xếp theo thứ tự giảm dần.

B. Nhấn chuột vào tên trường muốn sắp xếp, khi thấy xuất hiện hình tam giác có góc nhọn quay lên là sắp xếp theo thứ tự giảm dần, khi thấy xuất hiện hình tam giác có góc nhọn quay xuống là sắp xếp theo thứ tự tăng dần.

C. Nhấn chuột vào tên trường muốn sắp xếp, khi thấy xuất hiện hình tam giác có góc nhọn quay lên là sắp xếp theo thứ tự tăng dần, khi thấy xuất hiện hình chữ nhật là sắp xếp theo thứ tự giảm dần.

D. Nhấn chuột vào tên trường muốn sắp xếp, khi thấy xuất hiện hình tam giác có góc nhọn quay lên là sắp xếp theo thứ tự tăng dần, khi thấy xuất hiện hình tam giác có góc nhọn quay xuống là sắp xếp theo thứ tự giảm dần.

Câu 8. Để lấy ra danh sách dữ liệu thỏa mãn một yêu cầu nào đó có thể thực hiện các thao tác lọc nào sau đây là đúng?

A. Nhấn chuột phải vào vùng dữ liệu phía dưới tên trường muốn lọc dữ liệu, chọn Find Text, chọn một trong các điều kiện để lọc.

B. Nhấn chuột phải vào vùng dữ liệu phía dưới tên trường muốn lọc dữ liệu, chọn Quick Filter, chọn một trong các điều kiện để lọc.

C. Nhấn chuột trái vào vùng dữ liệu phía dưới tên trường muốn lọc dữ liệu, chọn Quick Filter, chọn một trong các điều kiện để lọc.

D. Nhấn chuột phải vào vùng dữ liệu phía dưới tên trường muốn lọc dữ liệu, chọn Xuất lưới dữ liệu, chọn một trong các điều kiện để lọc.

Câu 9. Để làm việc với câu truy vấn SQL, cần chọn một trong các thẻ nào sau đây?

- A. Thẻ Table
- B. Thẻ Cơ sở dữ liệu.
- C. Thẻ Truy vấn.
- D. Thẻ Dữ liệu.

Câu 10. Câu truy vấn nào sau đây dùng để truy xuất nhạc sĩ Văn Cao (kể cả mã idNhacsi) của bảng nhacsi?

A.

```
1 SELECT*
2 FROM nhacsi
3 WHERE tenNhacsi="Văn Cao"
```

B.

```
1 SELECT*
2 FROM nhacsi
3 WHERE tenNhacsi="V*"
```

C.

```
1 SELECT*
2 FROM tenNhacsi="Văn Cao"
3 WHERE nhacsi
```

D.

```
1 SELECT tenNhacsi
2 FROM nhacsi
3 WHERE tenNhacsi="Văn Cao"
```

Bài 22-Thực hành cập nhật bảng dữ liệu có tham chiếu

Câu 1. Thêm mới dữ liệu vào bảng bannhac. Chọn bảng bannhac, nhấp chuột chọn thẻ Dữ liệu, bấm phím Insert trên bàn phím. Xuất hiện hình như bên dưới, hãy quan sát hình và cho biết không cần thêm dữ liệu cho trường nào?

idBannhac	tenBannhac	idNhacsi
(NULL)	"	0

- A. Trường tenBannhac
- B. Trường idBannhac
- C. Trường idNhacsi
- D. Không cần thêm dữ liệu cho trường nào cả.

Câu 2. Trường idNhacsi là trường khoá ngoài của bảng bannhac, đã được khai báo ... đến trường idNhacsi của bảng nhacsi, vì vậy để đảm bảo tính nhất quán, giá trị hợp lệ chỉ có thể lấy từ các giá trị của idNhacsi có trong bảng nhacsi. Nhấp đúp chuột vào trường idNhacsi và chọn tên nhạc sĩ trong hộp danh sách. Hãy điền cụm từ còn thiếu vào dấu ba chấm.

- A. dữ liệu
- B. liên quan
- C. tham chiếu
- D. khoá chính

Câu 3. Xóa dữ liệu trong bảng nhacsi. Chú ý rằng bây giờ bảng bannhac đã có dữ liệu với trường idNhacsi tham chiếu đến trường idNhacsi của bảng bannhac. Do vậy, ta sẽ không thể tùy tiện xóa các dòng của bảng nhacsi. MySQL sẽ kiểm tra và ... việc xóa các dòng trong bảng nhacsi mà giá trị trường idNhacsi đã có trong trường idNhacsi của bảng bannhac. Hãy điền cụm từ còn thiếu vào dấu ba chấm.

- A. tiến hành
- B. cho phép
- C. tham chiếu
- D. ngăn chặn

Câu 4. Đọc dòng thông báo bên dưới và chọn câu trả lời đúng nhất.

- A. Bảng bannhac nằm trong CSDL mymusic có 8 cột.
- B. Bảng mymusic nằm trong CSDL bannhac có 8 dòng.
- C. Bảng bannhac nằm trong CSDL mymusic có 8 dòng.
- D. Bảng mymusic nằm trong CSDL bannhac có 8 cột.

Câu 5. Xem bảng nhacsi và bảng bannhac bên dưới. Viết câu truy vấn lấy ra tất cả các bản nhạc của nhạc sĩ Văn Cao có trong bảng bannhac.

idNhacsi	tenNhacsi
1	Đỗ Nhuận
2	Văn Cao
3	Hoàng Việt
4	Nguyễn Tài Tuệ

idBannhac	tenBannhac	idNhacsi
1	Du kích sông Thao	1
2	Trường ca Sông Lô	2
3	Tình Ca	3
4	Xa khơi	4
5	Việt Nam quê hương tôi	1
6	Tiến về Hà Nội	2
7	Nhạc rừng	3
8	Tiếng hát giữa rừng Pắc Bó	4

```

1 SELECT tenBannhac
2 FROM bannhac
3 WHERE idNhacsi="2"

```

A.

```

1 SELECT tenBannhac
2 FROM bannhac
3 WHERE idNhacsi="Văn Cao"

```

B.

```

1 SELECT tenBannhac
2 FROM nhacsi
3 WHERE idNhacsi="Văn Cao"

```

C.

D.

```

1 SELECT tenBannhac
2 FROM nhacsi
3 WHERE idNhacsi="2"

```

Câu 6. Xem bảng bannhac bên dưới. Viết câu truy vấn lấy nguyên dòng dữ liệu có tên bài hát Việt Nam quê hương tôi.

idBannhac	tenBannhac	idNhacsi
1	Du kích sông Thao	1
2	Trường ca Sông Lô	2
3	Tình Ca	3
4	Xa khơi	4
5	Việt Nam quê hương tôi	1
6	Tiến về Hà Nội	2
7	Nhạc rừng	3
8	Tiếng hát giữa rừng Pắc Bó	4

A.

```

1 SELECT*
2 FROM bannhac
3 WHERE idBannhac="5"

```

B.

```

1 SELECT tenBannhac
2 FROM bannhac
3 WHERE idBannhac="5"

```

C.

```

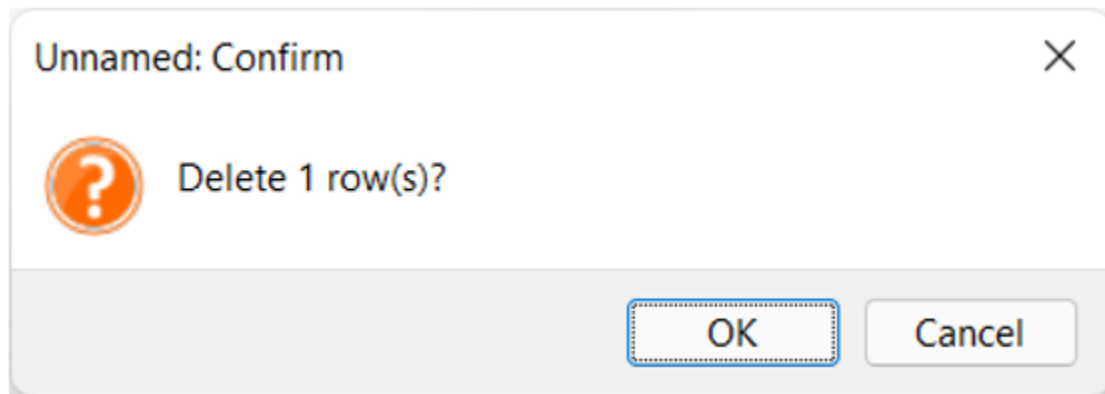
1 SELECT tenBannhac
2 FROM bannhac
3 WHERE idBannhac="1"

```

D.

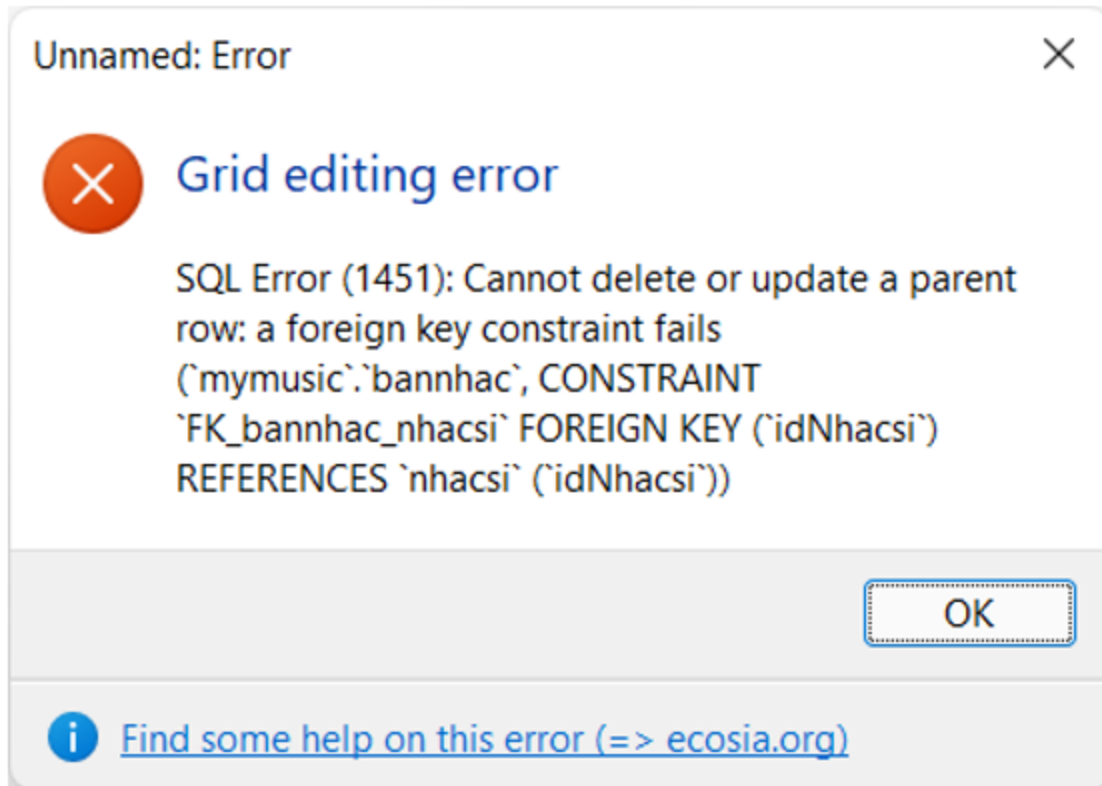
```
1 SELECT*
2 FROM bannhac
3 WHERE idBannhac="1"
```

Câu 7. Thông báo bên xuất hiện khi nào?



- A. Xoá một cột dữ liệu.
- B. Xoá một bảng dữ liệu.
- C. Xoá một Cơ sở dữ liệu.
- D. Xoá một dòng dữ liệu.

Câu 8. Thông báo bên dưới xuất hiện khi nào?



- A. Khi xoá dữ liệu trong trường idNhacsi trong bảng bannhac có tham chiếu đến khoá ngoài trường idNhacsi của bảng nhacsi.
- B. Khi xoá dữ liệu trong trường idNhacsi trong bảng nhacsi có tham chiếu đến khoá ngoài trường idNhacsi của bảng bannhac.
- C. Khi xoá dữ liệu trong trường idNhacsi trong bảng nhacsi không tham chiếu đến khoá ngoài trường idNhacsi của bảng bannhac.
- D. Khi xoá dữ liệu trong trường idNhacsi trong bảng bannhac không tham chiếu đến khoá ngoài trường idNhacsi của bảng nhacsi.
- Câu 9.** Dùng câu truy vấn thêm vào bảng nhacsi dòng số 5, tên nhạc sĩ là Phú Quang và dòng số 6, tên nhạc sĩ là Phan Huỳnh Điểu.

A.

```
1 INSERT INTO nhacsi VALUES
2 (5, 'Phú Quang'),
3 (6, 'Phan Huỳnh Điểu');
```

B.

```
1 INSERT IN nhacsi VALUES
2 (5, 'Phú Quang'),
3 (6, 'Phan Huỳnh Điểu');
```

C.

```
1 NEW IN nhacsi VALUES
2 (5, 'Phú Quang'),
3 (6, 'Phan Huỳnh Điểu');
```

D.

```
1 ADD INTO nhacsi VALUES
2 (5, 'Phú Quang'),
3 (6, 'Phan Huỳnh Điểu');
```

Câu 10. Dùng câu truy vấn xoá dòng 6, tên nhạc sĩ là Phan Huỳnh Điểu.

A.

```
1 DELETE FROM nhacsi
2 WHERE idNhacsi="6";
```

B.

```
1 DELETE nhacsi
2 WHERE idNhacsi="6";
```

C.

```
1 DELETE FORM nhacsi
2 WHERE idNhacsi="6";
```

D.

```
1 DEL FROM nhacsi
2 WHERE idNhacsi="6";
```

Bài 23-Thực hành truy xuất dữ liệu qua liên kết các bảng

Câu 1. Đề truy vấn hai bảng qua liên kết khoá, câu truy vấn SQL với mệnh đề JOIN nào sau đây là đúng?

A.

```
SELECT danh_sach_ten_truong_cua_2_bang
FROM ten_bang_a INNER JOIN ten_bang_b
    ON ten_bang_a.ten_truong_a = ten_bang_b.ten_truong_b
    [WHERE ... ]
    [ORDER BY ... ];
```

B.

```
SELECT danh_sach_ten_truong_cua_2_bang
FROM ten_bang_a INNER JOIN ten_bang_b
    IN ten_bang_a.ten_truong_a = ten_bang_b.ten_truong_b
    [WHERE ... ]
    [ORDER BY ... ];
```

C.

```
SELECT danh_sach_ten_truong_cua_2_bang
FROM ten_bang_a INNER JOIN ten_bang_b
    ON ten_bang_a,ten_truong_a = ten_bang_b,ten_truong_b
    [WHERE ... ]
    [ORDER BY ... ];
```

D.

```
SELECT danh_sach_ten_truong_cua_2_bang
FROM ten_bang_a INNER JOIN ten_bang_b
    IN ten_bang_a,ten_truong_a = ten_bang_b,ten_truong_b
    [WHERE ... ]
    [ORDER BY ... ];
```

Câu 2. Đề lấy ra danh sách các bản nhạc gồm tenBannhac, tenNhacsi, dùng câu truy vấn nào sau đây là đúng? (Lưu ý: tenBannhac nằm trong bảng bannhac, tenNhacsi nằm trong bảng nhacsi).

A.

```
1 SELECT bannhac.tenBannhac, nhacsi.tenNhacsi
2 FROM bannhac INNER JOIN nhacsi
3     IN bannhac.idBannhac = nhacsi.idNhacsi;
```

B.

```
1 SELECT bannhac.tenBannhac, nhacsi.tenNhacsi
2 FROM bannhac INNER JOIN nhacsi
3     ON bannhac.idBannhac = nhacsi.idNhacsi;
```

C.

```
1 SELECT bannhac.tenBannhac, nhacsi.tenNhacsi
2 FROM bannhac INNER nhacsi
3     ON bannhac.idBannhac = nhacsi.idNhacsi;
```

D.

```
1 SELECT bannhac.tenBannhac, nhacsi.tenNhacsi
2 FROM bannhac INNER JOIN nhacsi
3     ON bannhac,idBannhac = nhacsi,idNhacsi;
```

Câu 4. Lập danh sách bao gồm idBannhac, tenBannhac từ tất cả các bản nhạc của nhạc sĩ Đỗ Nhuận có trong bảng bannhac. (Lưu ý: bảng bannhac gồm idBannhac, tenBannhac, idNhacsi; bảng nhacsi gồm idNhacsi, tenNhacsi).

A.

```
1 SELECT idBannhac, tenBannhac
2 FROM bannhac JOIN nhacsi
3     IN bannhac.idNhacsi = nhacsi.idNhacsi
4 WHERE tenNhacsi="Đỗ Nhuận";
```

B.

```
1 SELECT idBannhac, tenBannhac
2 FROM bannhac JOIN nhacsi
3     ON bannhac,idNhacsi = nhacsi,idNhacsi
4 WHERE tenNhacsi="Đỗ Nhuận";
```

C.

```
1 SELECT idBannhac, tenBannhac
2 FROM bannhac JOIN nhacsi
3 ON bannhac.tenBannhac = nhacsi.tenNhacsi
4 WHERE tenNhacsi="Đỗ Nhuận";
```

D.

```
1 SELECT idBannhac, tenBannhac
2 FROM bannhac JOIN nhacsi
3 ON bannhac.idNhacsi = nhacsi.idNhacsi
4 WHERE tenNhacsi="Đỗ Nhuận";
```

Bài 24-Thực hành sao lưu dữ liệu

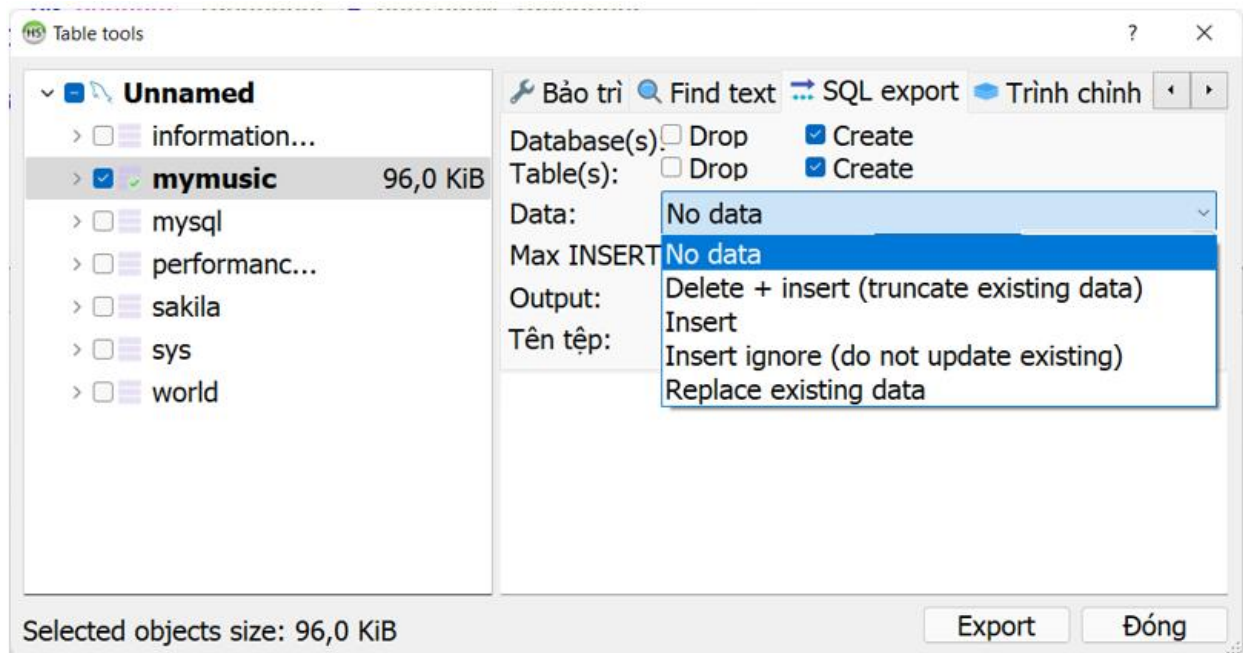
Câu 1. Sao lưu CSDL để làm gì?

- A. Để xoá CSDL.
- B. Để tạo mới CSDL.
- C. Để phục hồi lại CSDL khi CSDL bị mất.
- D. Để xem CSDL có bị mất hay không.

Câu 2. Để sao lưu CSDL, ta chọn:

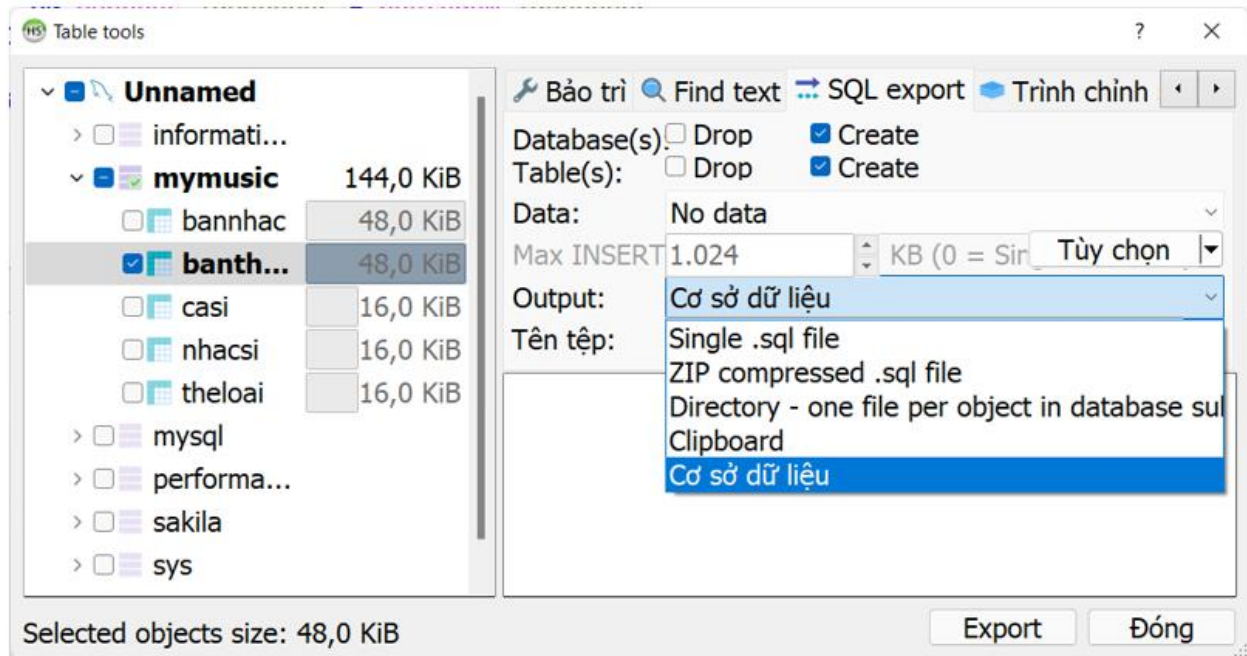
- A. Các công cụ / Xuất cơ sở dữ liệu dưới dạng SQL
- B. Các công cụ / Trình chỉnh sửa bảng
- C. Các công cụ / Nhập từ file CSV...
- D. Các công cụ / Cài đặt

Câu 3. Trong cửa sổ sao lưu CSDL bên dưới. Nếu muốn khi phục hồi dữ liệu thì xoá dữ liệu cũ (nếu có) trước khi chèn vào dữ liệu đã sao lưu, tại mục Data ta chọn dòng nào?



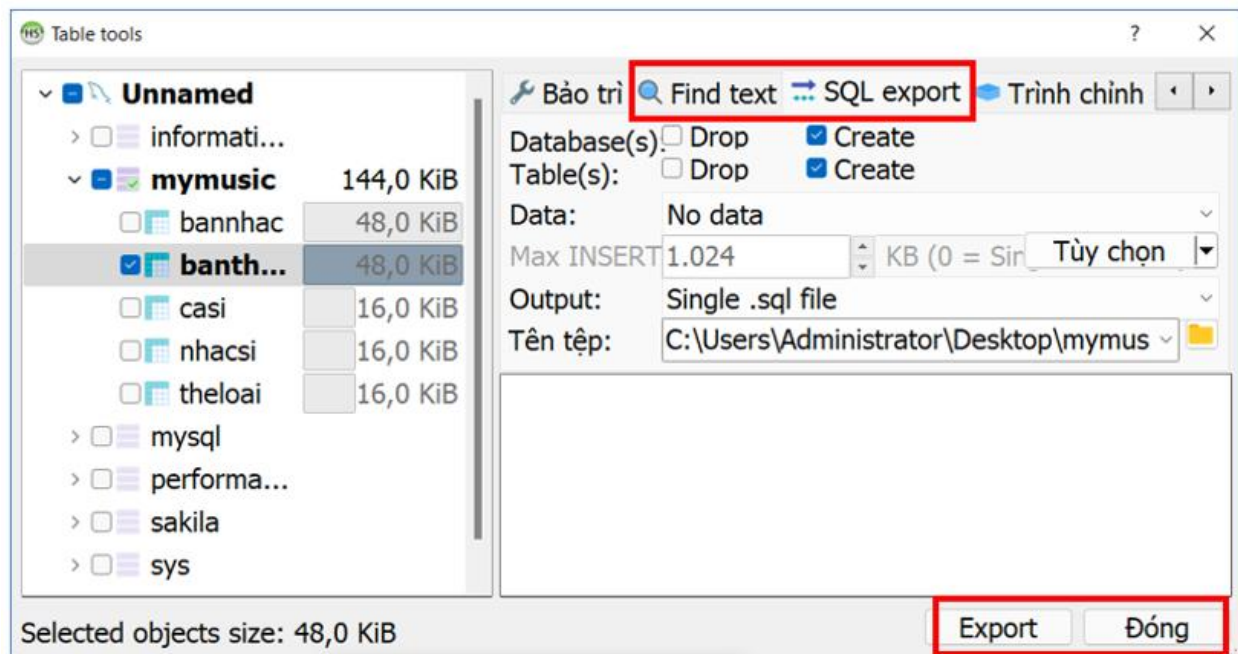
- A. Dòng No data
- B. Dòng Delete + Insert
- C. Dòng Insert
- D. Dòng Replace existing data

Câu 4. Trong cửa sổ sao lưu CSDL bên dưới, tại mục Output ta nên chọn dòng nào?



- A. Directory
- B. Clipboard
- C. Cơ sở dữ liệu
- D. Dòng Single .sql file

Câu 5. Trong cửa sổ sao lưu CSDL bên dưới. Để thực hiện việc sao lưu, ta chọn:



- A. Đóng
- B. SQL export

- C. Export
- D. Find text

Câu 6. Để thực hiện sao lưu một phần CSDL (một số bảng), bằng cách chỉ chọn những ... muốn sao lưu. Điền từ còn thiếu vào dấu ba chấm.

- A. CSDL
- B. file
- C. bảng
- D. thư mục

Câu 7. Để phục hồi CSDL, ta chọn:

- A. Tập tin / Run SQL file...
- B. Tập tin / Load SQL file...
- C. Tập tin / Lưu
- D. Tập tin / Nhập file cài đặt...

Câu 8. Sao lưu bảng banthuan của CSDL mymusic. Gồm các bước sau:

1. Chọn CSDL mymusic
2. Chọn Các công cụ / chọn Xuất cơ sở dữ liệu dưới dạng SQL
3. Check vào bảng banthuan
4. Mục Data: chọn dòng Delete + Insert
5. Mục Output: chọn dòng Single .sql file
6. Mục Tên tệp: chọn nơi chứa tệp và đặt tên tệp
7. Nháy vào Export

Sắp xếp lại thứ tự các bước để có cách thực hiện đúng.

- A. 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7
- B. 2, 1, 3, 4, 5, 7, 6
- C. 1, 2, 3, 7, 4, 5, 6
- D. 2, 1, 3, 4, 5, 6, 7

Câu 9. Để phục hồi CSDL, thay vì chọn Tập tin / Load SQL file. Ta có thể bấm tổ hợp phím nào sau đây?

- A. Ctrl + O
- B. Ctrl + N
- C. Ctrl + T
- D. Ctrl + S

Câu 10. Để làm tươi lại danh sách CSDL sau khi phục hồi, bấm phím nào sau đây?

- A. Phím F2
- B. Phím F4
- C. Phím F5
- D. Phím F9

Bài 25-Phần mềm chỉnh sửa ảnh

Câu 1. Ảnh số là biểu diễn số của hình ảnh. Ảnh bitmap là một trong các loại ảnh số phổ biến với nhiều định dạng khác nhau như:

- A. bmp, jpeg, png, doc,...
- B. bmp, jpeg, xls, gif,...
- C. bmp, jpeg, png, gif,...
- D. bmp, pas, png, gif,...

Câu 2. Một ảnh có kích thước 600 x 600 pixel nếu in với độ phân giải 100 dpi có kích thước gấp mấy lần ảnh đó in với độ phân giải 200 dpi?

- A. Gấp 2 lần.
- B. Gấp 3 lần.
- C. Gấp 4 lần.
- D. Gấp 6 lần.

Câu 3. Để tải và cài đặt phần mềm chỉnh sửa ảnh GIMP, truy cập vào địa chỉ nào sau đây?

- A. <https://www.gimp.org/download>
- B. <https://www.gimp.org/downloads/>
- C. <https://www.gimp.vn/downloads/>
- D. <https://www.gim.org/downloads/>

Câu 4. Tập tin chính của GIMP có phần đuôi là:

- A. png
- B. gif
- C. xcf
- D. bmp

Câu 5. Để thay đổi giao diện hiển thị một cửa sổ của phần mềm GIMP, ta chọn:

- A. Tools / Single-Window Mode
- B. Select / Single-Window Mode
- C. Windows / Single-Window Mode
- D. View / Single-Window Mode

Câu 6. Để xoay ảnh trong GIMP, nháy chọn nút lệnh Rotate hoặc bấm tổ hợp phím nào sau đây?

- A. Ctrl + R
- B. Shift + R
- C. Alt + R
- D. Shift + X

Câu 7. Để thay đổi kích thước và độ phân giải của ảnh trong GIMP, ta chọn:

- A. Image / Image Properties
- B. Player / Scale Player
- C. Color / Color to Alpha
- D. Image / Scale Image

Câu 8. Để cắt ảnh trong GIMP, nháy chọn nút lệnh Crop hoặc bấm tổ hợp phím nào sau đây?

- A. Shift + C
- B. Shift + X
- C. Ctrl + C
- D. Alt + C

Câu 9. Để xuất ảnh trong GIMP, ta chọn:

- A. File / Export
- B. File / Print
- C. Image / Export
- D. File / Open

Câu 10. Cho ảnh số có số điểm ảnh là 3000x 2000 điểm ảnh. Tính kích thước ảnh với độ phân giải là 150 dpi.

- A. 41.67 x 27.78 inch
- B. 10 x 6.67 inch
- C. 20 x 13.33 inch
- D. 20 x 14.3 inch

Bài 26-Công cụ chỉnh sửa màu sắc và công cụ chọn

Câu 1. Để chỉnh độ sáng và độ tương phản cho ảnh trong GIMP, ta chọn:

- A. Colors / Brightness-Contrast
- B. Colors / Color Balance
- C. Colors / Hue-Saturation
- D. Colors / Shadows-Highlights

Câu 2. Công cụ cân bằng màu trong GIMP dùng để cân bằng màu của layer (lớp) hoặc một phần ảnh đang chọn. Để sử dụng công cụ cân bằng màu, ta chọn:

- A. Colors / Brightness-Contrast
- B. Colors / Color Balance
- C. Colors / Hue-Saturation
- D. Colors / Shadows-Highlights

Câu 3. Công cụ chỉnh màu sắc trong GIMP được sử dụng để điều chỉnh tông màu, độ bão hoà và độ sáng cho từng mảng màu trên một layer hay một vùng ảnh đang được chọn. Để sử dụng công cụ chỉnh màu sắc, ta chọn:

- A. Colors / Color Balance
- B. Colors / Brightness-Contrast
- C. Colors / Hue-Saturation
- D. Colors / Shadows-Highlights

Câu 4. Vùng chọn có vai trò quan trọng trong việc chỉnh sửa ảnh. Vùng chọn cho phép em chia nhỏ hình ảnh để thực hiện các thao tác (lệnh xử lý) khác nhau trên từng phần riêng. Nếu không có vùng chọn thì các lệnh chỉnh sửa ảnh được thực hiện cho ... ảnh. Hãy điền cụm từ còn thiếu vào dấu ba chấm.

- A. toàn bộ
- B. một phần của
- C. tất cả các
- D. các phần cần chỉnh sửa của

Câu 5. Để tạo vùng chọn, phần mềm GIMP sử dụng các công cụ nào sau đây?

- A. Rectangle Select Tool, Ellipse Select Tool, Free Select Tool

- B. Rectangle Select Tool, Ellipse Select Tool, Crop Tool

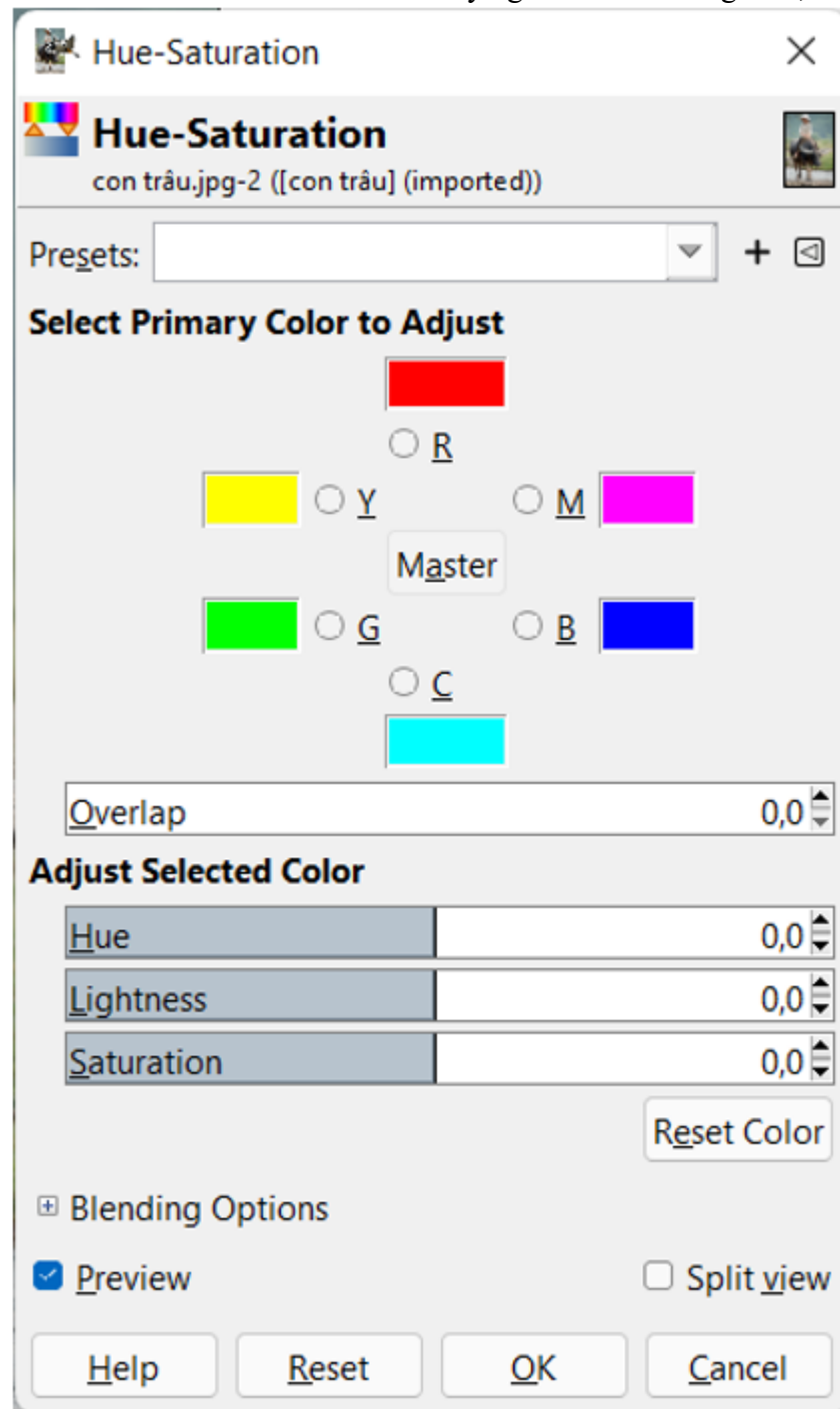
- C. Rectangle Select Tool, Rotate Tool, Free Select Tool

- D. Bucket Fill Tool, Ellipse Select Tool, Free Select Tool

Câu 6. Nếu ảnh có hình chiếc đĩa hình tròn, em dùng công cụ nào để chọn chiếc đĩa đó? Phím tắt chọn công cụ đó là gì?

- A. Dùng công cụ Rectangle Select Tool. Phím tắt là R
- B. Dùng công cụ Ellipse Select Tool. Phím tắt là E
- C. Dùng công cụ Free Tool. Phím tắt là F
- D. Dùng công cụ Ellipse Select Tool. Phím tắt là R

Câu 7. Quan sát cửa sổ Hue-Saturation bên dưới và cho biết ý nghĩa của các dòng Hue,



Lightness và Saturation?

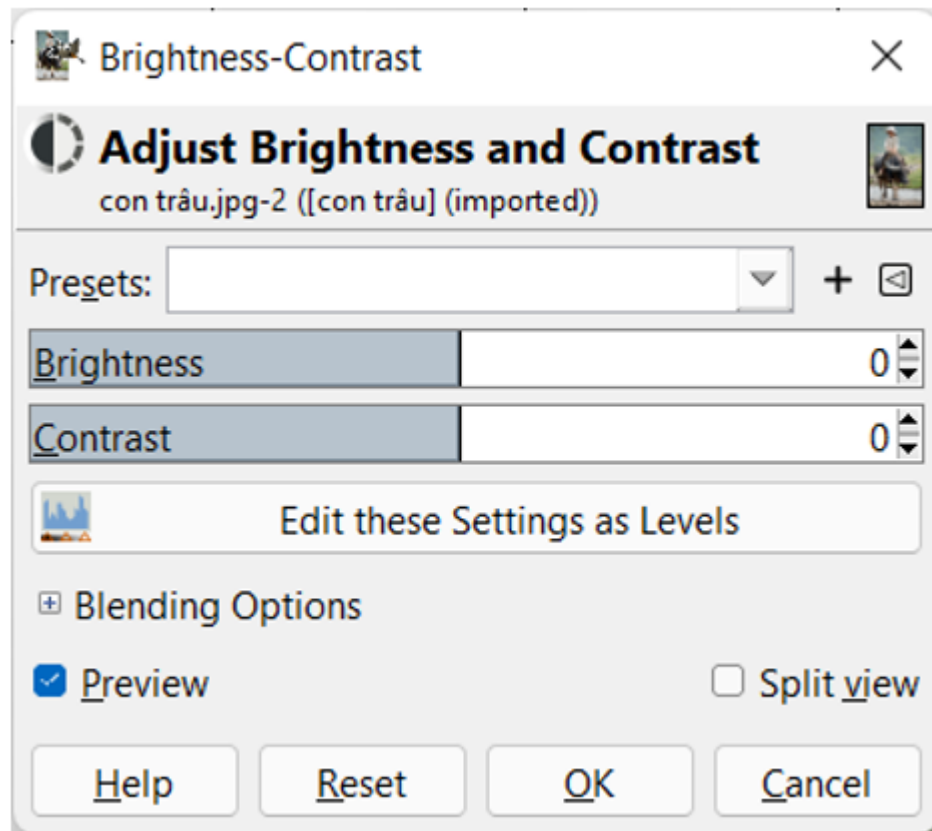
A. Hue để đổi tông màu trên vòng tròn màu, Lightness để đổi độ bão hoà của màu đang chọn và Saturation để đổi độ sáng.

B. Hue để đổi độ sáng, Lightness để đổi tông màu trên vòng tròn màu và Saturation để đổi độ bão hoà của màu đang chọn.

C. Hue để đổi độ bão hoà của màu đang chọn, Lightness để đổi độ sáng và Saturation để đổi tông màu trên vòng tròn màu.

D. Hue để đổi tông màu trên vòng tròn màu, Lightness để đổi độ sáng và Saturation để đổi độ bão hoà của màu đang chọn.

Câu 8. Quan sát cửa sổ Brightness-Contrast bên dưới và cho biết để chỉnh độ sáng cho ảnh, ta

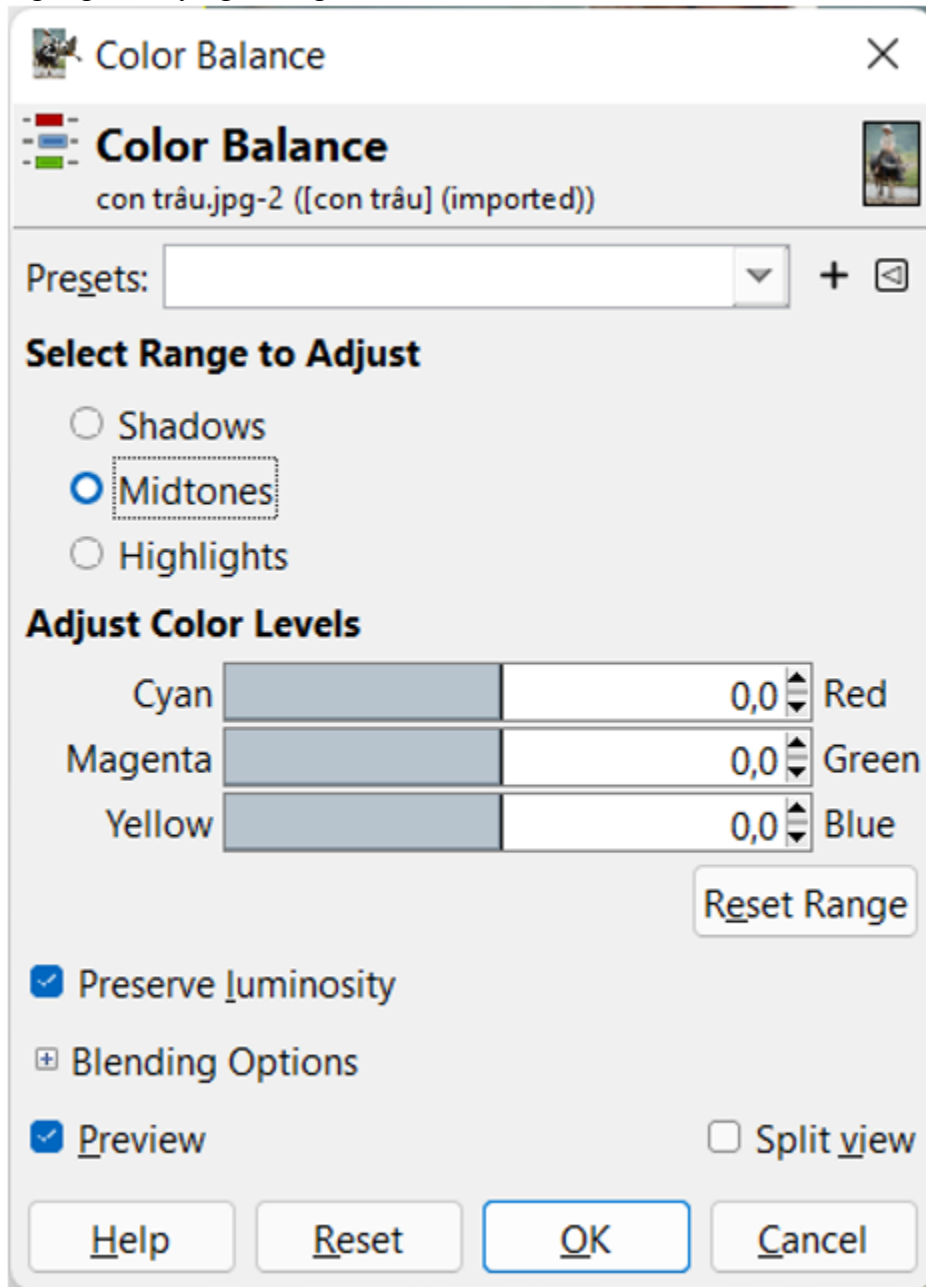


chỉnh ở dòng nào?

- A. Dòng Contrast
- B. Dòng Brightness
- C. Dòng Presets
- D. Dòng Blending Options

Câu 9. Quan sát cửa sổ Color Balance bên dưới và cho biết các tùy chọn Shadows, Midtones và

Highlights có ý nghĩa là gì?



A. Shadows: Chỉnh các điểm ảnh tối, Midtones: Chỉnh các điểm ảnh sáng, Highlights: Chỉnh các điểm ảnh trung bình.

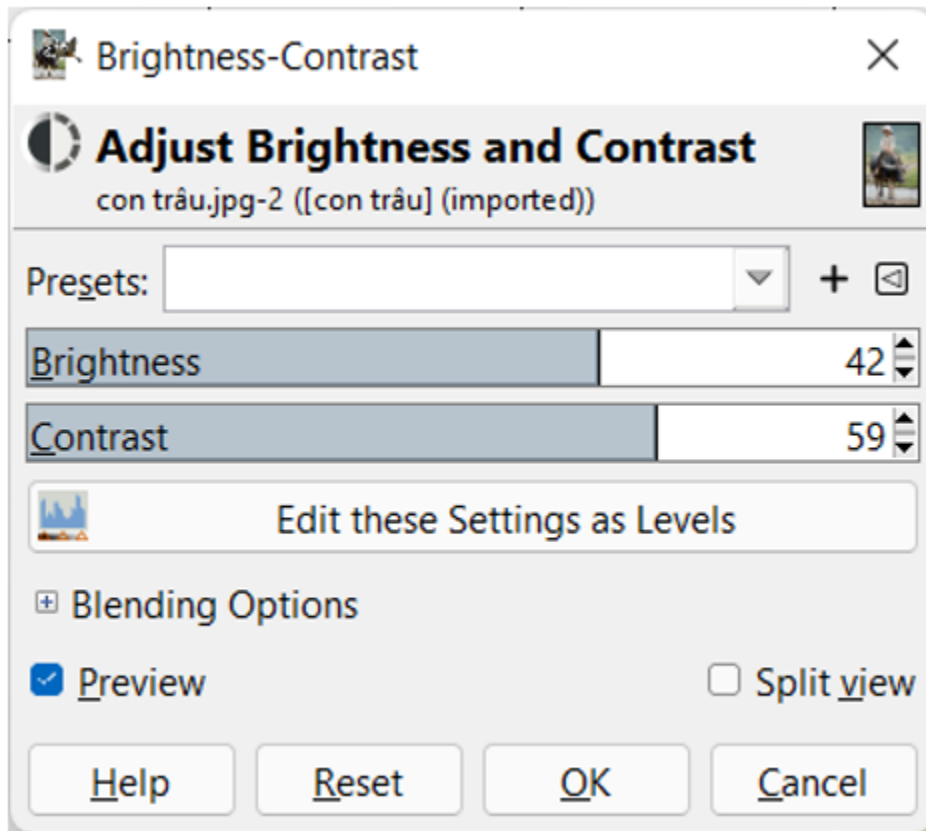
B. Shadows: Chỉnh các điểm ảnh trung bình, Midtones: Chỉnh các điểm ảnh tối, Highlights: Chỉnh các điểm ảnh sáng.

C. Shadows: Chỉnh các điểm ảnh tối, Midtones: Chỉnh các điểm ảnh trung bình, Highlights: Chỉnh các điểm ảnh sáng.

D. Shadows: Chỉnh các điểm ảnh sáng, Midtones: Chỉnh các điểm ảnh trung bình, Highlights:

Chỉnh các điểm ảnh tối.

Câu 10. Sau khi chỉnh độ sáng và độ tương phản như hình bên dưới. Nếu muốn lưu lại các thiết đặt này để sử dụng lần sau bằng cách nháy vào:



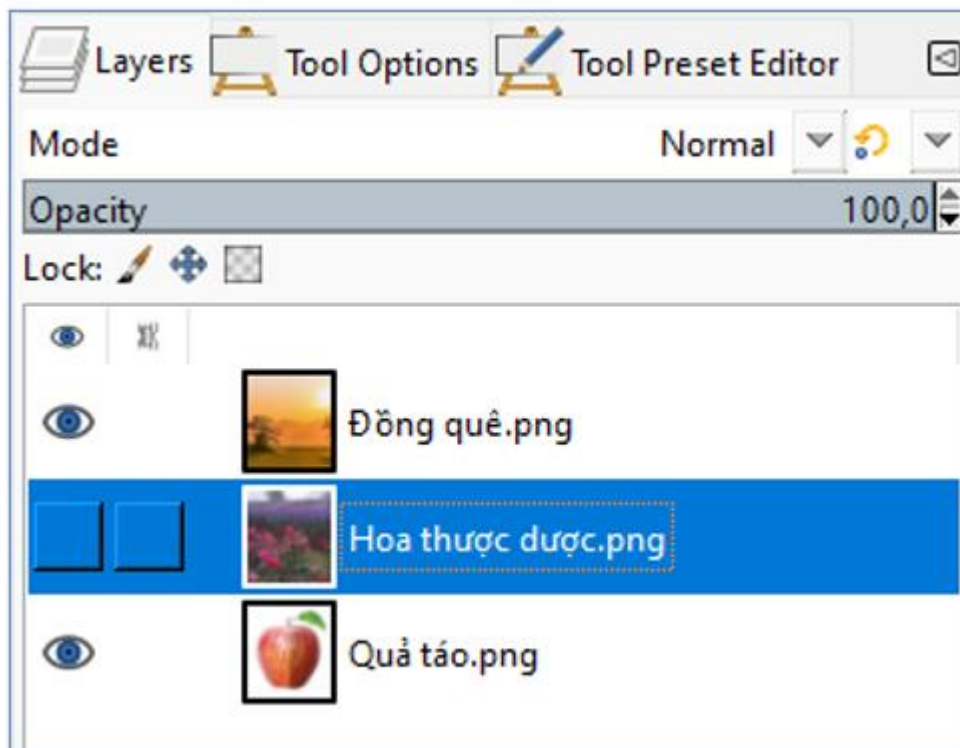
- A. Nút dấu + bên trái Blengding Options
- B. Nút dấu + bên phải ô Presets
- C. Dòng Edit these Settings as Levels
- D. Dấu check bên trái Preview

Bài 27-Công cụ vẽ và một số ứng dụng

Câu 1. Lớp ảnh (Layer) đóng vai trò quan trọng trong chỉnh sửa ảnh, giúp xử lí các phần ... của bức ảnh mà không làm ảnh hưởng đến các phần khác và dễ dàng sử dụng lại từng ... trong ảnh. Hãy điền từ còn thiếu vào các dấu ba chấm.

- A. ... riêng biệt ... phần nhỏ ...
- B. ... riêng biệt ... phần chung ...
- C. ... chung ... phần nhỏ ...
- D. ... chung ... phần riêng biệt ...

Câu 2. Quan sát cửa sổ Layer bên dưới và cho biết lớp nào đang hiển thị, lớp nào không hiển



thị?

- A. Lớp Hoa thực dược đang hiển thị, lớp Đồng quê và lớp Quả táo không hiển thị.
- B. Lớp Đồng quê và lớp Hoa thực dược đang hiển thị, lớp Quả táo không hiển thị.
- C. Lớp Đồng quê và lớp Quả táo đang hiển thị, lớp Hoa thực dược không hiển thị.
- D. Lớp Hoa thực dược và lớp Quả táo đang hiển thị, lớp Đồng quê không hiển thị.

Câu 3. Các công cụ vẽ trong GIMP được cung cấp trong bảng chọn:

- A. Tools / Selection Tools.
- B. Tools / Toolbox.
- C. Tools / Paint Tools.
- D. Tools / Transform Tools.

Câu 4. Nêu chức năng của công cụ Paint Brush?

- A. Vẽ thêm cho lớp đang chọn.
- B. Vẽ bằng cách sao chép chính xác một vùng chọn.
- C. Vẽ bằng cách sao chép một vùng chọn.
- D. Tô màu vùng chọn.

Câu 5. Nêu chức năng của công cụ Clone?

- A. Vẽ bằng cách sao chép một vùng chọn.
- B. Xoá điểm ảnh trên lớp đang chọn hoặc một vùng chọn.
- C. Vẽ bằng cách sao chép chính xác một vùng chọn.
- D. Tô màu chuyển sắc vùng chọn.

Câu 6. Ngoài ba kênh màu cơ bản R, G và B, giá trị màu sắc của các điểm ảnh còn có một kênh nữa, đó là kênh gì?

- A. Kênh Y.
- B. Kênh beta.
- C. Kênh alpha.
- D. Kênh M

Câu 7. Nêu chức năng của công cụ Bucket fill?

- A. Tô màu chuyển sắc vùng chọn.
- B. Vẽ thêm cho lớp đang chọn.
- C. Vẽ bằng cách sao chép một vùng chọn.
- D. Tô màu vùng chọn.

Câu 8. GIMP phân biệt màu nổi (Foreground) và màu nền (Background): Màu nổi là màu dùng cho các ... , màu nền được coi là màuHãy điền từ còn thiếu vào các dấu ba chấm.

- A. ... công cụ vẽ, ... giấy vẽ.
- B. ... giấy vẽ, ... công cụ vẽ.
- C. ... công cụ vẽ, ... trong suốt.
- D. ... phần mềm vẽ, ... giấy vẽ.

Câu 9. Để thêm kênh alpha vào một lớp, nháy chuột phải vào lớp đó và chọn:

- A. Remove Alpha Chanel.
- B. Add Alpha Chanel.
- C. Alpha to Selection.
- D. Add Layer Mask.

Câu 10. Ba kênh màu cơ bản R, G và B là viết tắt của các từ nào sau đây?

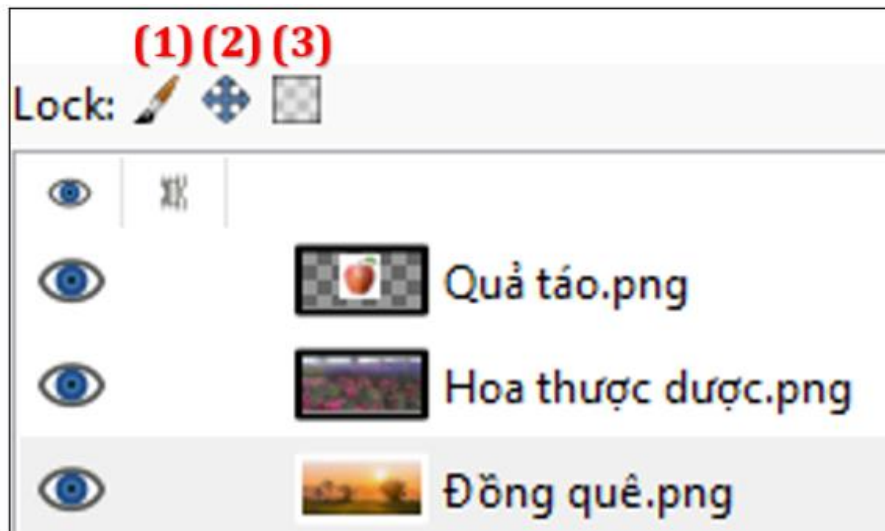
- A. Red, Green và Black.
- B. Red, Gray và Blue.
- C. Red, Green và Blue.
- D. Red, Green và Brown.

BÀI 28: Tạo ảnh động

Câu 1. Để mở nhiều tệp làm lớp ảnh, ta chọn:

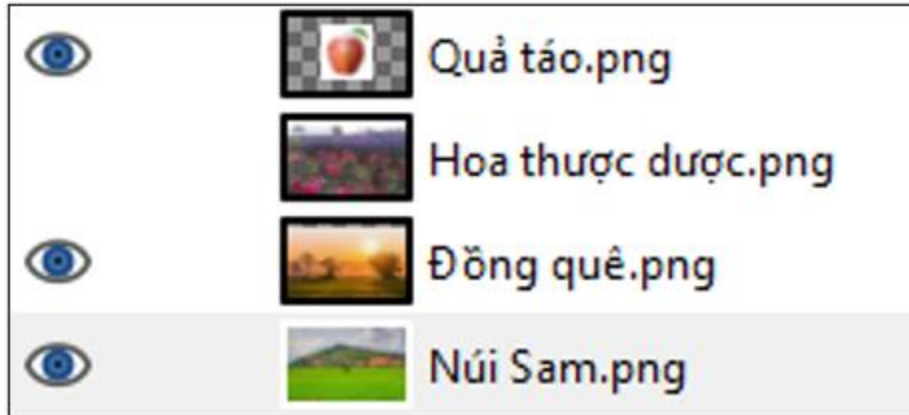
- A. File / Open as Layers.
- B. File / Open.
- C. File / Open Location.
- D. File / Export As

Câu 2. Khi một lớp đã sửa xong và muốn đảm bảo không bị sửa nhầm khi sửa các lớp khác, ta thực hiện khoá lớp bằng cách: nhấn chuột vào lớp muốn khoá rồi nhấn vào thuộc tính muốn khoá. Xem hình bên dưới và cho biết ba thuộc tính khoá ở các vị trí (1), (2), (3) đó là những thuộc tính khoá nào?



- A. (1) Khoá điểm ảnh, (2) Khoá kênh alpha, (3) Khoá vị trí và kích thước lớp.
- B. (1) Khoá điểm ảnh, (2) Khoá vị trí và kích thước lớp, (3) Khoá kênh alpha.
- C. (1) Khoá vị trí và kích thước lớp, (2) Khoá điểm ảnh, (3) Khoá kênh alpha.
- D. (1) Khoá kênh alpha, (2) Khoá vị trí và kích thước lớp, (3) Khoá điểm ảnh.

Câu 3. Quan sát hình bên dưới và cho biết lớp nào có thể thực hiện được với lệnh Merge Down?



- A. Lớp Quả táo và lớp Hoa thược dược.
- B. Lớp Quả táo và lớp Núi Sam.
- C. Lớp Hoa thược dược và lớp Núi Sam.
- D. Lớp Quả táo và lớp Đồng quê.

Câu 4. Để tạo ảnh động, trước tiên ta mở các ảnh bằng lệnh File / Open as Layers. Sau đó chọn lệnh:

- A. Filters / Animation / Blend.
- B. Filters / Animation / Optimize (for GIF).
- C. Filters / Animation / Playback.
- D. Filters / Animation / Waves.

Câu 5. Ta có thể thiết lập thời gian xuất hiện của mỗi khung hình bằng cách thêm vào phía sau tên lớp tương ứng cụm “(Xms)” trong đó X là ... mà ta muốn hiển thị khung hình trước khi chuyển sang lớp tiếp theo. Hãy điền cụm từ còn thiếu vào dấu ba chấm.

- A. số mili-giây
- B. số giây
- C. số phút
- D. số giờ

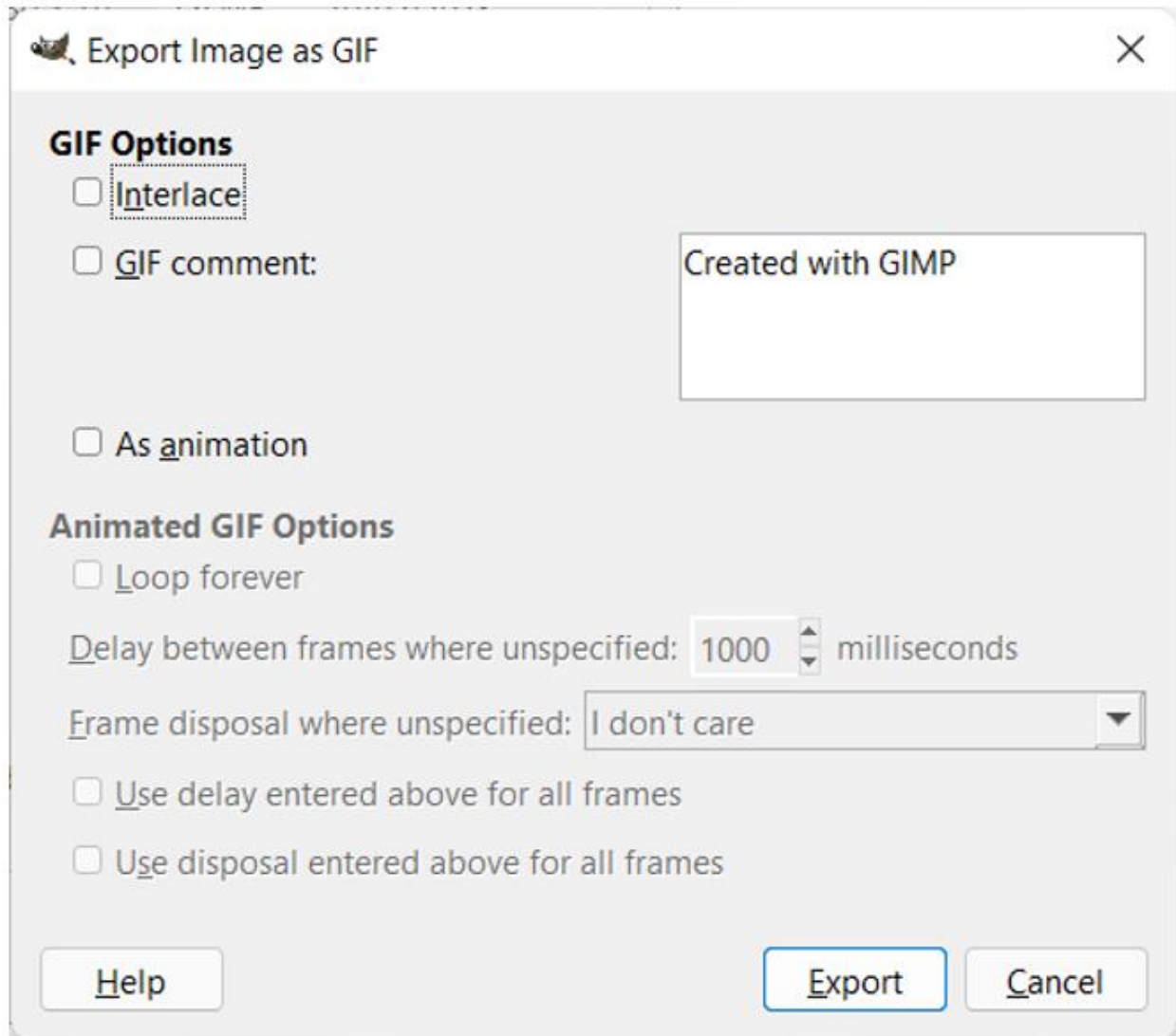
Câu 6. Khi gộp lớp thì lớp được chọn sẽ được gộp với lớp phía dưới nó. Để thực hiện gộp lớp, ta nhấp chuột phải vào tên lớp và chọn:

- A. Merge Visible Layers
- B. Duplicate Layer
- C. Merge Down
- D. New Layer

Câu 7. Để xuất ra tệp ảnh động, ta chọn File / Export As và gõ tên tệp với phần mở rộng là:

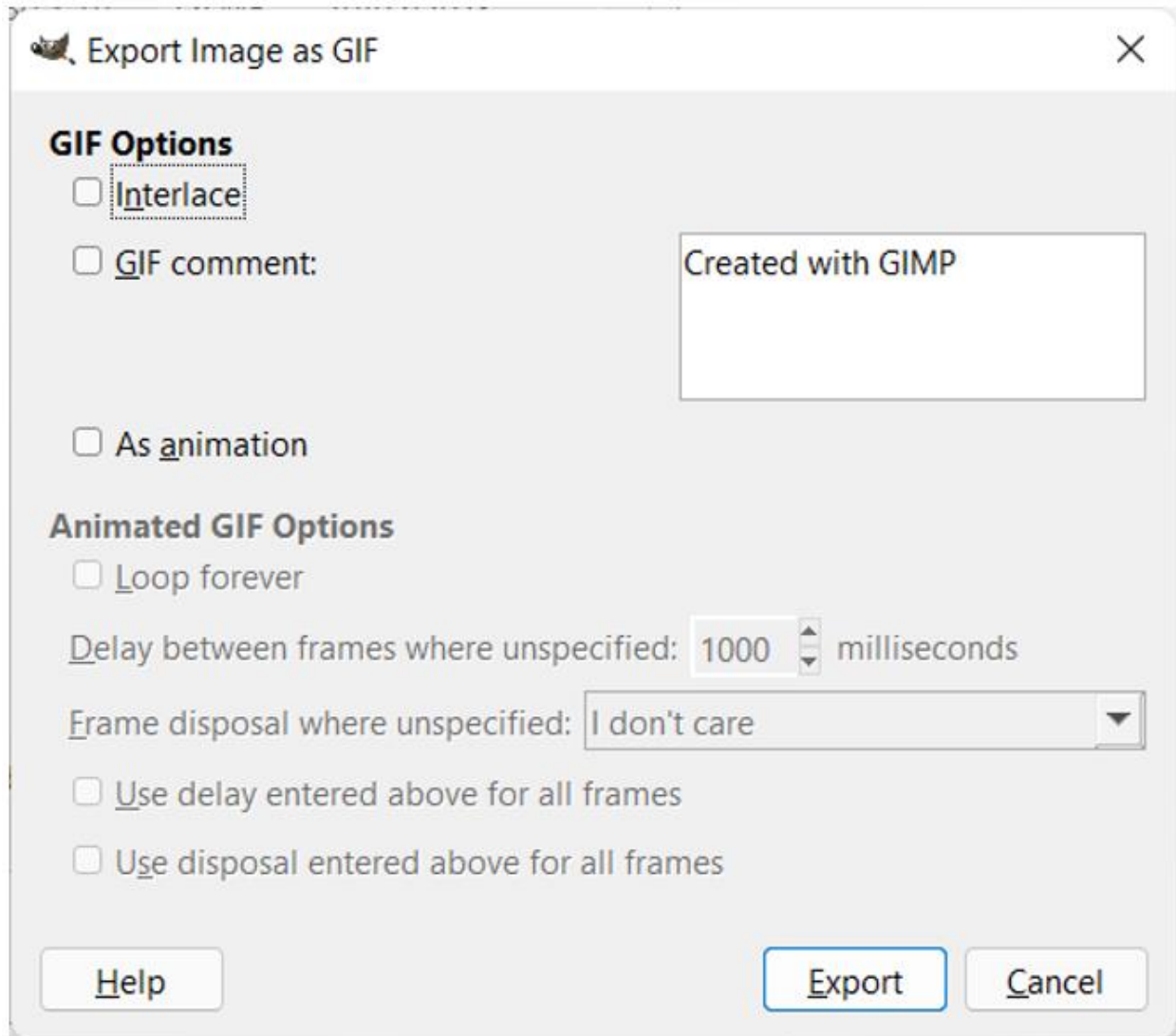
- A. png
- B. gif
- C. bmp
- D. pas

Câu 8. Nếu muốn ảnh lặp lại sau khi hiển thị một lượt từ đầu đến cuối, ta đánh dấu check vào dòng nào trong cửa sổ Export Image as GIF bên dưới?



- A. Interlace
- B. GIF comment
- C. As animation
- D. Loop forever

Câu 9. Quan sát cửa sổ Export Image as GIF bên dưới và cho biết nếu muốn xác định thời gian dừng giữa các khung hình thì cần qui định thời gian dừng ở dòng nào?



- A. Frame disposal where unspecified
- B. Delay between frames where unspecified
- C. GIF comment
- D. Use delay entered above for all frames

Câu 10. Một tệp ảnh mở trong GIMP có 4 lớp ảnh như hình bên dưới. Nếu dùng hiệu ứng Blend với số khung hình trung gian là 3 (Intermediate frames: 3) thì tất cả số khung hình do GIMP tạo ra là bao nhiêu?

		Quả táo.png
		Hoa thược dược.png
		Đồng quê.png
		Núi Sam.png

- A. 12
- B. 13
- C. 15
- D. 16